



**TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ**
Mã chứng khoán: DPM



Thích ứng
để **VƯỢN XA**

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2021



► TẦM NHÌN

Phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và trong khu vực về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón và hóa chất phục vụ ngành dầu khí.

► SỨ MỆNH

Sản xuất, cung ứng nguồn phân bón và hóa chất phong phú, đáng tin cậy với giá cả hợp lý và điều kiện tốt nhất cho khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp và kinh tế đất nước.

NỘI DUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh	04
Thông điệp lãnh đạo	06

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát	12
Quá trình hình thành và phát triển	13
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
Định hướng, mục tiêu chiến lược trung và dài hạn	18

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Mô hình quản trị	22
Các công ty có liên quan	23
Sơ đồ tổ chức	26
Giới thiệu Hội đồng quản trị	28
Giới thiệu Ban kiểm soát	28
Giới thiệu Ban điều hành	29
Thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	30
Tổ chức và nhân sự	30

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh	36
▶ Kết quả thực hiện	36
▶ <i>Thống kê số liệu về sản xuất kinh doanh các sản phẩm chủ lực của Tổng công ty</i>	40
▶ <i>Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án</i>	42
▶ <i>Tình hình tài chính của Tổng công ty</i>	44
Các danh hiệu tiêu biểu trong năm 2021	46
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	48
Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty	50

THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông	58
Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát năm 2021	61
Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021	62
Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập	68
Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát	70
Báo cáo các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	72
Đánh giá kết quả thực hiện quản trị công ty dựa trên Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực Asean của Tổng công ty	75
Báo cáo hoạt động Quan hệ nhà đầu tư (IR) năm 2021	76
Báo cáo nhận diện và công tác Quản trị rủi ro	78

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp của Tổng giám đốc	90
Mô hình kinh doanh tạo giá trị dựa trên các nguyên tắc phát triển bền vững	92
Tổng quan về phát triển bền vững và các mục tiêu, nguyên tắc phát triển bền vững của PVFCCo	94
Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường	98
Báo cáo về hoạt động trách nhiệm xã hội năm 2021	104

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	109
Báo cáo kiểm toán độc lập	111
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	112
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	114
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	115
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	116

THÔNG DIỆP LÃNH ĐẠO

DOANH THU NĂM 2021

13.117 tỷ đồng

đạt 109% kế hoạch năm,
tăng 63% so với năm 2020

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

3.799 tỷ đồng

đạt 168% kế hoạch năm,
tăng 352% so với năm 2020

SẢN LƯỢNG
URÊ SẢN XUẤT

797 nghìn tấn

vượt 4% so với kế hoạch

SẢN LƯỢNG
NPK SẢN XUẤT

162 nghìn tấn

tăng 41% so với năm 2020

Kính gửi Quý cổ đông, đối tác và đồng nghiệp!

Năm 2021 vừa kết thúc với nhiều dấu ấn khó quên.

Nhìn lại những gì PVFCCo trải qua và đạt được trong suốt năm dịch bệnh tiếp tục bùng phát nghiêm trọng trên phạm vi hẹp và rộng, chắc hẳn mỗi thành viên chúng ta đều cảm thấy nhẹ nhõm và hết sức tự hào.

Thay mặt PVFCCo, tôi xin gửi lời chúc mừng và cảm ơn chân thành tới quý vị cổ đông, tập thể Ban lãnh đạo và người lao động PVFCCo đã ủng hộ, nỗ lực hết mình trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài, đoàn kết và linh hoạt kiểm soát mọi rủi ro, nắm bắt được thời cơ, đưa PVFCCo trở lại mức tăng trưởng mạnh, tái tạo được vị thế vững chắc cho giai đoạn phát triển mới.

Đặc biệt, chúng ta cùng nhau ghi nhận sâu sắc công lao của những lãnh đạo, đồng nghiệp PVFCCo - những người đã sẵn sàng hy sinh nhiều quyền lợi cá nhân, sẵn sàng gánh chịu những áp lực và bất tiện trong suốt thời gian dài phong tỏa, giãn cách để đảm bảo hệ thống luôn được vận hành an toàn ổn định, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu trong sản xuất kinh doanh. Trong giai đoạn khó khăn và thử thách đó, như ta vẫn nói "xa mặt nhưng không cách lòng", chúng ta đã chứng kiến sự kết nối tuyệt vời, sự hỗ trợ lẫn nhau về mọi mặt vì một tập thể PVFCCo mạnh mẽ và trưởng thành hơn. Tôi tin rằng, chính sự đoàn kết và kết nối đó đã đem lại cho mỗi chúng ta động lực để vượt qua mọi khó khăn, thách thức và đạt được những kết quả nổi bật trong năm 2021.

Tổng công ty đã có một năm hoạt động đáng ghi nhớ trong lịch sử phát triển gần 20 năm, ghi dấu những nỗ lực vượt bậc của tập thể lãnh đạo và nhân viên PVFCCo. Năm 2021 đã chứng kiến tinh thần kết nối và năng lượng chủ động vượt khó, sáng tạo thích ứng với bối cảnh nhiều biến động, tận dụng được các điều kiện thuận lợi để tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh, đạt được bước tăng trưởng bứt phá, vượt kỳ vọng của thị trường, đem lại lợi ích to lớn cho cổ đông, đối tác.

Những kết quả nổi bật có thể nhìn nhận là:

- ▶ Hoàn thành bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ; Nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà máy NPK; gia tăng sản lượng kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất;
- ▶ Chuyển đổi quy trình làm việc dựa trên văn phòng số và hệ thống quản trị rủi ro, thích ứng trong bối cảnh ứng phó dịch bệnh và trong tình trạng bình thường mới;
- ▶ Linh hoạt trong chính sách bán hàng, điều phối vận chuyển hàng trong giai đoạn giãn cách... tối ưu được sản lượng trong giai đoạn giá bán hồi phục mạnh...
- ▶ Đạt kết quả vượt bậc về lợi nhuận từ sản xuất, kinh doanh.

Chúng ta bước qua năm mới 2022 với nhiều niềm vui vì những gì vừa cùng nhau trải qua, những khó khăn được sẻ chia, những trách nhiệm cùng gánh vác, đã gặt hái nhiều kết quả tốt đẹp nhưng cũng sẵn sàng một tâm thế chủ động với nhận thức về những biến động đang tiếp tục diễn ra, đòi hỏi tập thể Ban lãnh đạo và nhân viên PVFCCo cần có sự chuẩn bị tốt hơn nhằm tiếp tục thích ứng để duy trì hoạt động hiệu quả hơn nữa.

Trong năm 2022, dự báo bối cảnh chính trị và dịch bệnh Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp, nền kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro khi áp lực tăng trưởng, ổn định và cân bằng xã hội gia tăng với mọi quốc gia, các vùng lãnh thổ. Áp lực lạm phát gia tăng tại một số nền kinh tế lớn như Mỹ, Anh..., nhiều nơi vẫn phải duy trì giãn cách trong khi một số quốc gia buộc phải thí điểm mở cửa trở lại để khôi phục dần những ngành bị ảnh hưởng nặng nề. Những xung đột quân sự tại châu Âu diễn ra phức tạp gây nhiều hệ lụy. Bối cảnh đó buộc các doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức như: gián đoạn đứt gãy chuỗi sản xuất, cung ứng trên toàn cầu; Áp lực chuyển đổi mô hình số hóa trong chuỗi sản xuất - kinh doanh - phân phối và quản trị doanh nghiệp; biến động và thiếu hụt nguồn nhân lực...



“
TỔNG công ty đã có một năm hoạt động đáng ghi nhớ trong lịch sử phát triển gần 20 năm, ghi dấu những nỗ lực vượt bậc của tập thể lãnh đạo và nhân viên PVFCCo. Năm 2021 đã chứng kiến tinh thần kết nối và năng lượng chủ động vượt khó, sáng tạo thích ứng với bối cảnh nhiều biến động, tận dụng được các điều kiện thuận lợi để tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh, đạt được bước tăng trưởng bứt phá, vượt kỳ vọng của thị trường, đem lại lợi ích to lớn cho cổ đông, đối tác.

“

Tôi hoàn toàn tin tưởng và có niềm tin sâu sắc rằng, lịch sử và truyền thống đáng tự hào đó sẽ tiếp tục được tiếp nối và bồi đắp trong chặng đường phát triển tiếp theo, đem lại nhiều thành quả tốt đẹp hơn nữa, bền vững hơn nữa tới người nông dân, đối tác, cổ đông và người lao động, xứng đáng là doanh nghiệp đứng đầu ngành phân bón hóa chất trong nước và khu vực, với một tinh thần, ý chí và niềm tin là trước mỗi thách thức, chúng ta sẽ đoàn kết, thích ứng để vững bước đưa Tổng công ty vươn xa hơn nữa trong tương lai.



Trong bối cảnh đó, PVFCCo xác định phải tiếp tục hoàn thiện, cập nhật quy trình, kế hoạch dài hơi nhằm thích nghi, sống chung với dịch bệnh với nhận thức khủng hoảng sẽ tạo ra cơ hội và sự thay đổi trong dài hạn, cần phải nắm bắt và tái cấu trúc mạnh mẽ để tồn tại, phát triển.

Về quản trị, PVFCCo sẽ tiếp tục đánh giá lại các cơ hội, rủi ro và cùng với đó là triển khai kế hoạch tái cấu trúc hệ thống, hoàn thiện chiến lược phát triển dài hạn.... Cùng với đó, một nhiệm vụ quan trọng là phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, tập trung nâng cao chất lượng, đào tạo chuyên môn, kịp thời xử lý vấn đề chấn thương tâm lý tiềm ẩn với quan niệm là không chỉ kỹ năng mà sức khỏe tinh thần của đội ngũ nhân sự là chìa khóa cho sự phát triển bền vững của PVFCCo trong giai đoạn tới.

PVFCCo đang trong quá trình tái thiết lập một quy trình quản trị rủi ro rõ ràng, bài bản, trong đó định hình lại cấu trúc, chiến lược phát triển, xây dựng củng cố nguồn nhân lực và ưu tiên phát triển nền tảng công nghệ nhằm thích ứng nhanh với những biến động, thay đổi trong môi trường kinh doanh...tiếp tục nâng cao hệ thống tương tác trên nền tảng trực tuyến để tăng cường kết nối với cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng...

Về sản xuất, kinh doanh: Trong năm 2022, PVFCCo tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động, cải tiến chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường; có chiến lược dài hạn nhằm chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào nhằm tăng năng lực cạnh tranh trong dài hạn...

Cách đây 19 năm, PVFCCo được thành lập (28/03/2003) với nhiệm vụ vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ và đảm bảo nguồn cung phân đạm ổn định cho ngành nông nghiệp Việt Nam. Tới nay, chúng ta đã trải qua một chặng đường dài không ngừng phát triển với lĩnh vực hoạt động mở rộng thêm nhiều nhà máy, kho cảng, trụ sở trải khắp các vùng miền trên cả nước và một nguồn nhân lực chất lượng cao với gần 2.000 người...

Tôi hoàn toàn tin tưởng và có niềm tin sâu sắc rằng, lịch sử và truyền thống đáng tự hào đó sẽ tiếp tục được tiếp nối và bồi đắp trong chặng đường phát triển tiếp theo, đem lại nhiều thành quả tốt đẹp hơn nữa, bền vững hơn nữa tới người nông dân, đối tác, cổ đông và người lao động, xứng đáng là doanh nghiệp đứng đầu ngành phân bón hóa chất trong nước và khu vực, với một tinh thần, ý chí và niềm tin là trước mỗi thách thức, chúng ta sẽ đoàn kết, thích ứng để vững bước đưa Tổng công ty vươn xa hơn nữa trong tương lai.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. Ban lãnh đạo,

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hoàng Trọng Dũng



VỮNG VÀNG để tiến bước

Sự trưởng thành nhanh chóng trong gần 2 thập kỷ là nền tảng vững vàng để PVFCCo tiếp tục tiến bước trên con đường chinh phục những thành công mới.

Chương 1. GIỚI THIỆU CÔNG TY



VỐN ĐIỀU LỆ
3.914 Tỷ đồng

Tên giao dịch	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0303165480
Vốn điều lệ	3.914.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.914.000.000.000 đồng
Địa chỉ	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(+84.28) 3825 6258
Số fax	(+84.28) 3825 6269
Website	www.dpm.vn
Mã cổ phiếu	DPM

2003



28/03/2003

Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP) được thành lập theo Quyết định số 02/2003/QĐ-VPCP ngày 28/03/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

21/04/2007

Ngày 21/04/2007, Công ty đã thực hiện chào bán 40% cổ phần ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM. Ngày 31/08/2007, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký số 4103007696 và Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chính thức đi vào hoạt động.



2007

05/11/2007

Công ty đã hoàn tất các thủ tục và ngày 05/11/2007, Công ty đã chính thức niêm yết 380 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE). Công ty niêm yết bổ sung 11,4 triệu cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) vào ngày 26/02/2016.



2007

15/05/2008

Ngày 15/05/2008, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký sửa đổi số 4103007696 cho Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.



2008

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

CÁC MỐC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG



12/03/2001

Phát động triển khai xây dựng Nhà máy đạm Phú Mỹ.



28/03/2003

Thành lập Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo).



21/09/2004

PVFCCo nhận bàn giao Nhà máy đạm Phú Mỹ, chính thức đưa sản phẩm mang thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.

15/12/2004

Khánh thành Nhà máy đạm Phú Mỹ.



31/08/2007

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

05/11/2007

Cổ phiếu DPM được niêm yết và giao dịch trên HOSE.



15/05/2008

Chuyển đổi thành Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.



14/09/2010

Khánh thành cụm thu hồi khí thải CO₂ nâng công suất Nhà máy đạm Phú Mỹ lên 800.000 tấn/năm.



16/07/2011

Khánh thành trụ sở PVFCCo Tower.



28/03/2013

Kỷ niệm 10 năm thành lập, đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.



23/12/2014

Thương hiệu Đạm Phú Mỹ của PVFCCo đã chính thức được công nhận là Thương hiệu Quốc gia 2014.



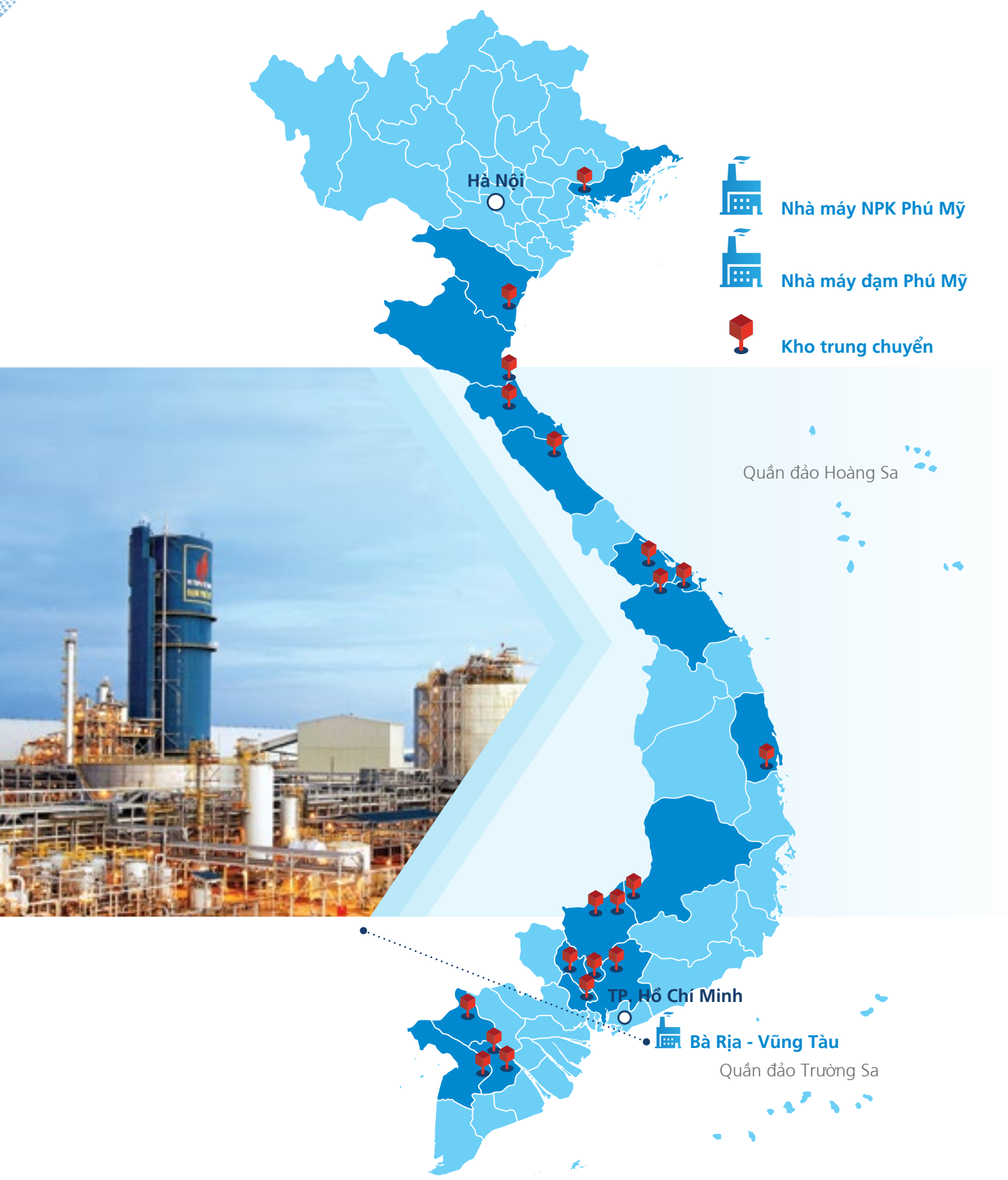
Quý 3/2015

Khởi công xây dựng Tổ hợp dự án NH₃ (nâng công suất) và Nhà máy NPK Phú Mỹ.



06/05/2018

Vận hành Tổ hợp NH₃ (mở rộng) và NPK Phú Mỹ.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất. Hiện nay sản phẩm chủ lực của Tổng công ty là phân đạm (urê) hạt trong, phân NPK, Kali, SA, DAP phục vụ cho nền nông nghiệp của đất nước, khí Amoniac lỏng, hóa chất UFC85/Formaldehyde, CO₂, hóa chất sử dụng trong hoạt động khai thác dầu khí.

ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất chính của Tổng công ty tiến hành tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh phân bón của Tổng công ty trải rộng khắp các vùng canh tác nông nghiệp và cây công nghiệp trên khắp lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các công ty con đóng trụ sở chính tại các khu vực: miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ. Bên cạnh thị trường nội địa, Tổng công ty cũng xuất khẩu sản phẩm phân bón đi nhiều nước, tập trung tại châu Á.

Về hóa chất, khách hàng và thị trường chủ lực được tập trung tại khu vực phía Nam và trong ngành dầu khí, sản xuất công nghiệp.

ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

“
Chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 theo Nghị quyết phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông năm 2016, Tổng công ty được hoạch định với những mục tiêu cơ bản cho giai đoạn 2021-2025 như sau:

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- ▶ **Đến năm 2025:** Tiếp tục đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất có công nghệ hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến để đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường phân phối phân bón, hóa chất ra các nước trong khu vực cũng như trên thế giới nhằm phát triển đưa PVFCCo trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón, hóa chất với công nghệ cao trong khu vực Đông Nam Á, đứng trong Top 10 trong khu vực về sản lượng sản xuất.
- ▶ **Đến năm 2035:** Phấn đấu trở thành doanh nghiệp có quy mô nằm trong Top 10 ở khu vực Châu Á trong ngành phân bón, hóa chất.

MỤC TIÊU CỤ THỂ



Lĩnh vực sản xuất

Giai đoạn 2021-2025

- ▶ Duy trì và phát triển các cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhà máy bao gồm: Nhà máy đạm Phú Mỹ, NPK và các Nhà máy hóa chất. Có ít nhất 02 sản phẩm phân bón chủ lực và 03 sản phẩm hóa chất chủ lực.
- ▶ Nâng sản lượng sản xuất NPK Phú Mỹ lên 500.000 tấn/năm.
- ▶ Tiếp tục phát triển sản xuất các loại sản phẩm hóa chất, hóa dầu có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, tiến tới ngang bằng với lĩnh vực phân bón.
- ▶ Duy trì và phát triển các dự án cải tiến sản phẩm, sản xuất phân bón/hóa chất chuyên dụng trên nền sản phẩm chủ lực (urê, NPK).

Giai đoạn 2025-2030

- ▶ Lĩnh vực sản xuất hóa chất chiếm vai trò chủ đạo, vượt trên lĩnh vực sản xuất phân bón.
- ▶ Nâng sản lượng sản xuất NPK Phú Mỹ lên 750 nghìn tấn/năm vào năm 2030 (chỉ thực hiện khi cân đối được nguồn nguyên liệu NH₃).



Lĩnh vực kinh doanh

Giai đoạn 2021-2025

- ▶ Giữ vững thị phần các sản phẩm đã đạt được.
- ▶ Tiêu thụ hết các sản phẩm sản xuất.
- ▶ Doanh thu lĩnh vực hoá chất chiếm 70% tổng doanh thu.
- ▶ Mở rộng thị trường phân bón ra Đông Bắc Á và Nam Á.
- ▶ Tăng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm phân bón/hóa chất chuyên dụng so với giai đoạn 2016-2020.

Giai đoạn 2025-2030

- ▶ Giữ vững thị phần các sản phẩm đã đạt được. NPK Phú Mỹ chiếm 18% thị phần trong nước.
- ▶ Tiêu thụ hết các sản phẩm sản xuất.

Giai đoạn 2031-2035

- ▶ Lợi nhuận mangle hóa chất chiếm hơn 70% tổng lợi nhuận.
- ▶ NPK Phú Mỹ chiếm 20% thị phần trong nước.
- ▶ Tiếp tục mở rộng thị trường phân bón ra Đông Bắc Á và Nam Á.



Lĩnh vực đầu tư xây dựng

Giai đoạn 2021-2025

- ▶ Hoàn thành đúng tiến độ đầu tư dự án: NPK Phú Mỹ mở rộng (lên 500.000 tấn/năm).
- ▶ Triển khai các bước chuẩn bị đầu tư các dự án phân bón (trên nền urê và NPK) và hóa chất mới.

Giai đoạn 2025-2030

- ▶ Hoàn thành đúng tiến độ các dự án sản xuất mới.

Căn cứ theo tình hình thực tế và kết quả thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2021, Tổng công ty đang tiếp tục rà soát, đánh giá quá trình thực hiện theo Chiến lược phát triển để đề xuất những giải pháp, điều chỉnh phù hợp cho các mục tiêu dài hạn giai đoạn 2022-2035 và tầm nhìn đến năm 2045.

BẢN LĨNH để đương đầu

Nếu trong điều kiện thuận lợi bình thường, kinh nghiệm, trí tuệ và đam mê đã hun đúc nên bản lĩnh PVFCCo, thì trong hoàn cảnh bất thường, bản lĩnh chính là sức mạnh nội lực đưa PVFCCo vượt lên trên những khó khăn, thách thức.

Chương 2.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Năm 2021, Tổng công ty gồm có 4 công ty con và 5 công ty liên kết, có góp vốn.

CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ TỪ 50% CỔ PHẦN TRỞ LÊN

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (PVFCCo North, mã Chứng khoán: PMB) Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh phân bón, hóa chất	120.000	75%
2	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (PVFCCo Central, mã Chứng khoán: PCE) Địa chỉ: Lô A2, cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh phân bón, hóa chất	100.000	75%
3	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (PVFCCo Southeast, mã Chứng khoán: PSE) Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh phân bón, hóa chất	125.000	75%
4	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PVFCCo Southwest, mã Chứng khoán: PSW) Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh phân bón, hóa chất	170.000	75%



“
TỔNG công ty áp dụng mô hình quản trị theo quy định tại điểm a, khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

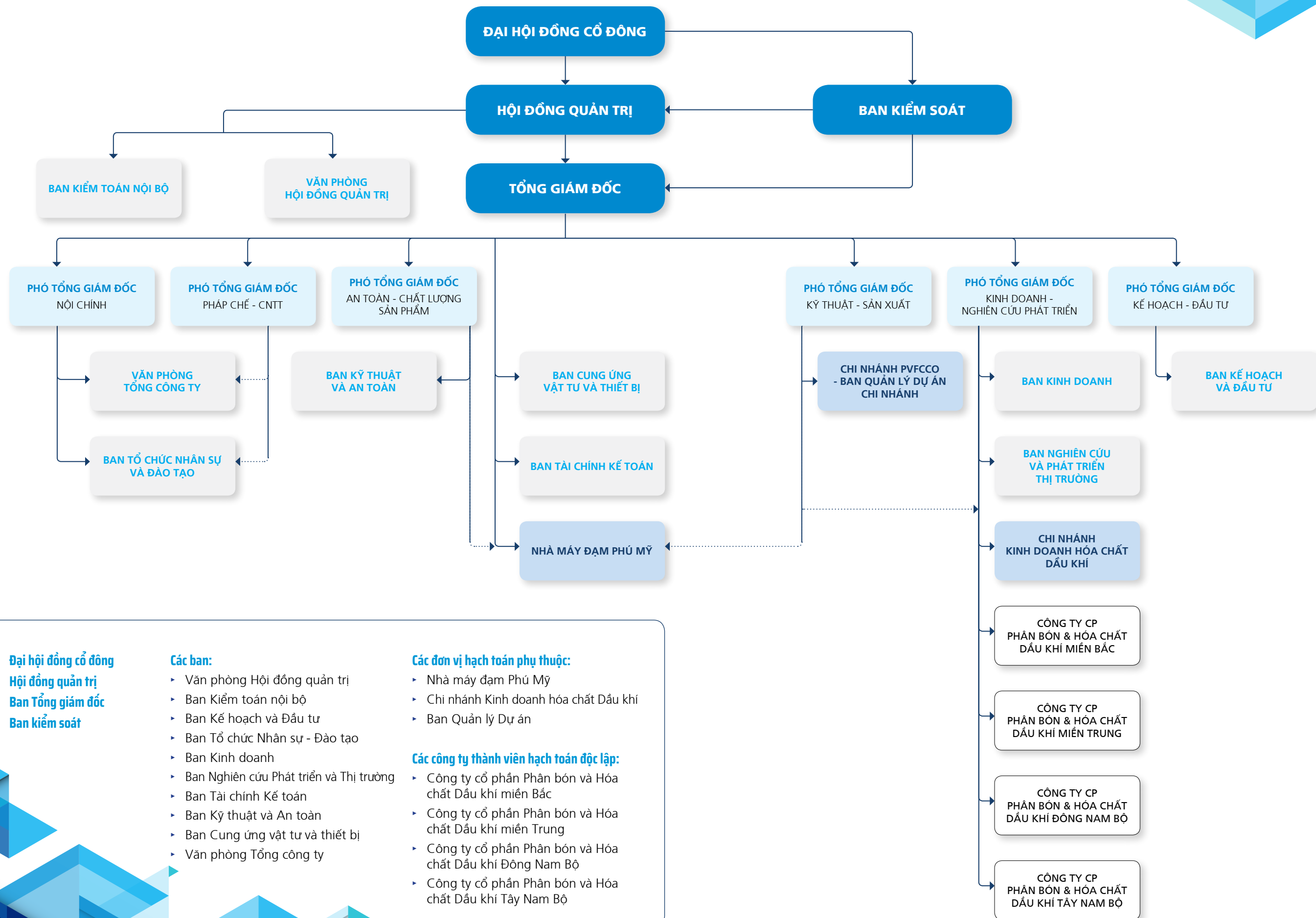


CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ DƯỚI 50% VỐN

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (PVFCCo Packaging, mã Chứng khoán: PMP) Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, kinh doanh bao bì	42.000	43,35%
2	Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPOLY) Địa chỉ: Lô CN5.5 A Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm xơ sợi tổng hợp	2.165.110	25,99%
3	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch	42.352	8,5%
4	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) Địa chỉ: Lô D - KĐT Dầu khí - Đường Ngô Quyền - P. 1 - TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Tư vấn thiết kế, thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản	280.869	35,63%
5	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Xã Tài Văn, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng chế biến và mua bán thủy, hải sản	354.000	6,78%





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông HOÀNG TRỌNG DŨNG
Năm sinh: 1973

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Kỹ sư Công nghệ, Thạc sĩ Kinh tế



Ông LÊ CỰ TÂN
Năm sinh: 1967

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc
- Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa



Ông DƯƠNG TRÍ HỘI
Năm sinh: 1978

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Kỹ sư Điện công nghiệp, Cử nhân Kinh tế Kế hoạch Đầu tư



Ông LOUIS T NGUYỄN
Năm sinh: 1963

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- Cử nhân khoa học ngành Kế toán - Tài chính



Ông TRỊNH VĂN KHIÊM
Năm sinh: 1973

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- Cử nhân Quản trị kinh doanh



Ông HUỖNH KIM NHÂN
Năm sinh: 1976

- Trưởng Ban kiểm soát
- Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính Kế toán



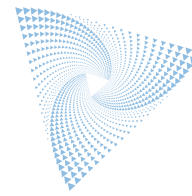
Ông LÊ VINH VĂN
Năm sinh: 1969

- Thành viên Ban kiểm soát
- Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính Kế toán



Ông LƯƠNG PHƯƠNG
Năm sinh: 1973

- Thành viên Ban kiểm soát
- Cử nhân Tài chính tín dụng



BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ CỰ TÂN
Năm sinh: 1967

- Tổng giám đốc
- Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa



Ông LÊ VĂN QUỐC VIỆT
Năm sinh: 1962

- Phó Tổng giám đốc
- Cử nhân Kinh tế Kế hoạch



Bà LÊ THỊ THU HƯƠNG
Năm sinh: 1975

- Phó Tổng giám đốc
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



Bà TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO
Năm sinh: 1970

- Phó Tổng giám đốc
- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngoại thương



Ông CAO TRUNG KIẾN
Năm sinh: 1976

- Phó Tổng giám đốc
- Cử nhân Kinh tế



Ông ĐÀO VĂN NGỌC
Năm sinh: 1977

- Phó Tổng giám đốc
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, kỹ sư Luyện hóa dầu



Ông TẠ QUANG HUY
Năm sinh: 1978

- Phó Tổng giám đốc
- Kỹ sư Công nghệ hóa



Ông VÕ NGỌC PHƯƠNG
Năm sinh: 1978

- Kế toán trưởng
- Cử nhân Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng

THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2021, Tổng công ty có các thay đổi nhân sự:

- Ông Nguyễn Tiến Vinh thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và thôi tham gia HĐQT để đảm nhiệm chức vụ khác theo phân công công việc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ ngày 27/04/2021
- Ông Hoàng Trọng Dũng được Đại hội đồng cổ đông bầu vào HĐQT và HĐQT bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 05 năm (2021-2026) từ ngày 27/04/2021.
- Ông Louis T. Nguyễn được Đại hội đồng cổ đông bầu tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 05 năm tiếp theo từ ngày 27/04/2021.
- Ông Tạ Quang Huy thôi giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị và được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc từ ngày 28/04/2021.
- Ông Huỳnh Kim Nhân được Đại hội đồng cổ đông bầu tiếp tục giữ chức Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 05 năm tiếp theo (2021-2026) từ ngày 27/04/2021.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty tính đến thời điểm 31/12/2021 (gồm Công ty mẹ và công ty con): 1.508 người trong đó 360 lao động nữ, giảm 21 người so với năm 2020.

TỔNG SỐ CBCNV

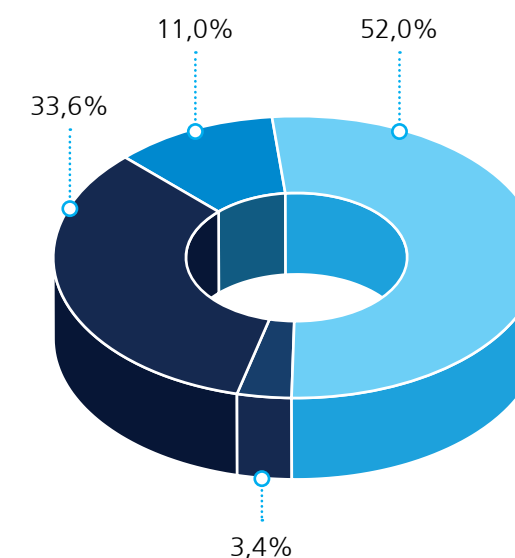
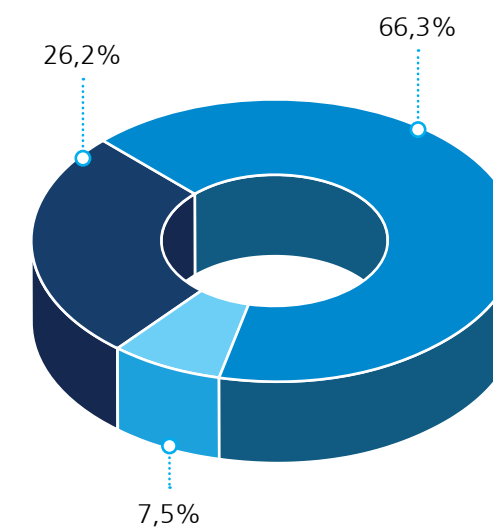
1.508 Người

ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TRỞ LÊN

1.000 Người

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG NỮ

360 Người



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Chính sách nhân viên

Tổng công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương hướng tới mục tiêu trả lương theo thị trường, phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế sản xuất, kinh doanh. Theo đó Tổng công ty đã hoàn thành và đưa vào áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và trả lương theo phương pháp 3P dựa trên kết quả đánh giá năng lực, kết quả thực hiện công việc cá nhân.

Tổng công ty thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật bảo hiểm xã hội và các Quy định của Chính phủ. Ngoài ra, Tổng công ty triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung: Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe người lao động, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm tai nạn khi đi công tác nước ngoài, Bảo hiểm nhân thọ cho Người lao động và các chức danh quản lý khác tùy theo điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã ban hành chính sách nhân viên theo đó duy trì, áp dụng các chính sách phúc lợi cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.



Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững, Tổng công ty quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, hệ thống các quy chế, quy định đào tạo khoa học và mang tính khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bao gồm các dịch vụ đào tạo từ bên ngoài và công tác đào tạo nội bộ.



LINH HOẠT để thích ứng

Để thích ứng, trụ vững và tăng trưởng trong đại dịch Covid-19, PVFCCo đã linh hoạt đưa ra những quyết sách đúng đắn, kịp thời nhằm duy trì thông suốt các hoạt động từ Sản xuất - Kinh doanh - Hỗ trợ - Dịch vụ/hậu cần.

Chương 3.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Những yếu tố tác động nổi bật đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Thuận lợi

01



Về thị trường phân bón năm 2021, giá hầu hết các mặt hàng phân bón tăng cao, đặc biệt là giá urê, mặt hàng chủ lực của Tổng công ty tăng cao nhất từ trước đến nay.

02



Thương hiệu Phú Mỹ tạo được uy tín với khách hàng. Hệ thống phân phối của PVFCCo phát huy tích cực về sự bao phủ địa bàn tiêu thụ.

03



Hoạt động sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ duy trì ổn định ở công suất cao với nguồn khí đầu vào được đáp ứng đủ.

04



Nguồn vốn được đảm bảo đủ và kịp thời cho hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Khó khăn

1

Về nguồn khí đầu vào tuy vẫn được đảm bảo cung ứng đầy đủ nhưng tỷ trọng nguồn khí đồng hành có giá thấp (mỏ Bạch Hổ - Rồng Đồi Mồi, thuộc Bể Cửu Long) đạt công suất thấp hơn kế hoạch và đang suy giảm nhanh hơn dự báo, tỷ trọng khí cấp bù từ nguồn khác (Nam Côn Sơn và Cửu Long khác) tăng lên và có mức phí vận chuyển cao, khiến giá thành chi phí khí gia tăng.

2

Giá dầu thế giới tăng, làm tăng chi phí khí đầu vào và tăng chi phí vận chuyển hàng hóa.

3

Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, chuỗi cung ứng bị đứt gãy nghiêm trọng làm suy giảm kinh tế, việc đáp ứng các điều kiện phòng chống dịch trong hoạt động của công ty làm phát sinh tăng các chi phí liên quan của PVFCCo.

4

Chi phí đầu vào cho nông nghiệp, đặc biệt là giá phân bón tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của người nông dân, dẫn đến xu hướng giảm đầu tư phân bón cho cây trồng, ảnh hưởng về lâu dài đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty.

5

Nhà máy đạm Phú Mỹ sau 18 năm vận hành tiềm ẩn rủi ro từ máy móc thiết bị do đã hoạt động nhiều năm và tăng chi phí bảo dưỡng, sửa chữa.

6

Chính sách thuế VAT chưa được điều chỉnh phù hợp.

Các kết quả nổi bật trong sản xuất, kinh doanh

Về hoạt động sản xuất

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 12 ngày, sản lượng cả năm đạt 797 nghìn tấn đạm Phú Mỹ, vượt 4% so với kế hoạch. Sản lượng NH₃ dành tiêu thụ đạt 69 nghìn tấn - vượt 9% kế hoạch. Đặc biệt, sản lượng NPK Phú Mỹ đạt 162 nghìn tấn - vượt 1% kế hoạch và tăng 41% so với năm 2020.

Về hoạt động kinh doanh

Kinh doanh hiệu quả hơn 1,1 triệu tấn phân bón (749 nghìn tấn Đạm Phú Mỹ; 151 nghìn tấn NPK Phú Mỹ - sản lượng kinh doanh NPK cao nhất từ trước đến nay; 244 nghìn tấn phân bón khác) và 124 nghìn tấn hóa chất.

Doanh thu

Doanh thu đạt 13.117 tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch năm, tăng 63% so với năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế

Lợi nhuận trước thuế đạt 3.799 tỷ đồng - đạt 168% kế hoạch năm, tăng 352% so với năm 2020. Lợi nhuận đạt cao ngoài yếu tố giá bán sản phẩm chính tăng, còn do:

- Tổng công ty đã có giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp, quản trị chi phí, tối ưu quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng nên đã kiểm soát tốt giá thành các sản phẩm.
- Thực hiện theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, Tổng công ty đã hạch toán giảm một số chi phí và tăng thu nhập khác vào kết quả sản xuất, kinh doanh 6 tháng 2021, làm lợi nhuận trước thuế tăng ~269 tỷ đồng.

Doanh thu

13.117 tỷ đồng

đạt 109% kế hoạch năm, tăng 63% so với năm 2020

Lợi nhuận trước thuế

3.799 tỷ đồng

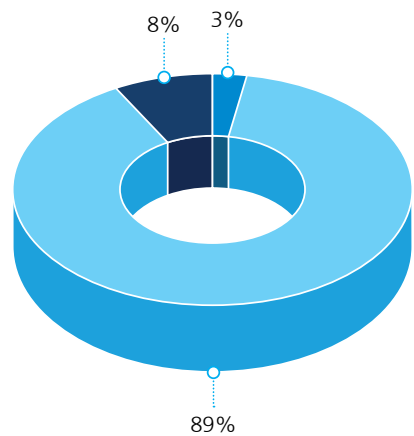
đạt 169% kế hoạch năm, tăng 348% so với năm 2020

Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ so với năm 2020 (%)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1 Sản lượng sản xuất							
1.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	866	766	797	92%	104%
1.2	UFC 85	Nghìn tấn	13,5	12,5	12,0	89%	96%
1.3	NPK	Nghìn tấn	115	160	162	141%	101%
1.4	NH ₃ (để thương mại)	Nghìn tấn	74	63	69	93%	109%
2 Sản lượng kinh doanh							
2.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	827	750	749	91%	100%
2.2	NPK	Nghìn tấn	94	140	152	160%	108%
2.3	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	179	280	244	136%	87%
2.4	UFC 85	Nghìn tấn	9.6	8.5	9.4	98%	111%
2.5	NH ₃ (để thương mại)	Nghìn tấn	68	63	70	104%	112%
2.6	CO ₂	Nghìn tấn	54	50	44	80%	87%
2.7	Hóa chất	Nghìn tấn	0,7	0,6	0,8	112%	116%
3 Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)							
3.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.038	12.000	13.117	163%	109%
3.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	848	2.251	3.799	348%	169%
3.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	702	1.890	3.172	452%	168%
3.4	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng	439	445	466	106%	105%
4 Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ							
4.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	8.127	7.584	10.503	129%	138%
4.2	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.914	3.914	3.914	100%	100%

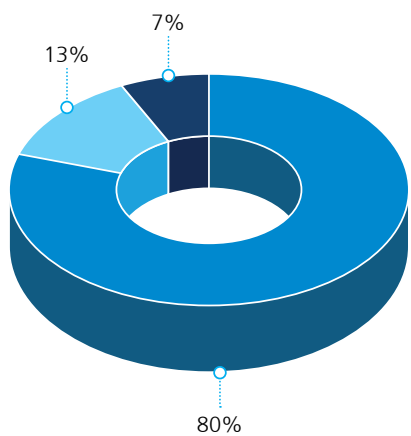
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ so với năm 2020 (%)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
4.3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.411	10.738	11.951	161%	111%
4.4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	815	2.086	3.612	443%	173%
4.5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	682	1.772	3.030	445%	171%
4.6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	17%	45%	77%	445%	171%
4.7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	419	417	423	101%	101%
4.8	Đầu tư						
4.8.1	Giải ngân đầu tư	Tỷ đồng	75	263	110	147%	42%
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	56	223	89	158%	40%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	19	40	22	115%	54%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	-	-	-	-	-
4.8.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	75	263	110	147%	42%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	75	215	62	82%	29%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-	49	49	-	100%

Cơ cấu doanh thu trong năm 2021



■ Doanh thu Phân bón
■ Doanh thu Hóa chất
■ Doanh thu Khác

Cơ cấu lợi nhuận trong năm 2021



■ Lợi nhuận Phân bón
■ Lợi nhuận Hóa chất
■ Lợi nhuận Khác

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH (tiếp theo)

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA TỔNG CÔNG TY

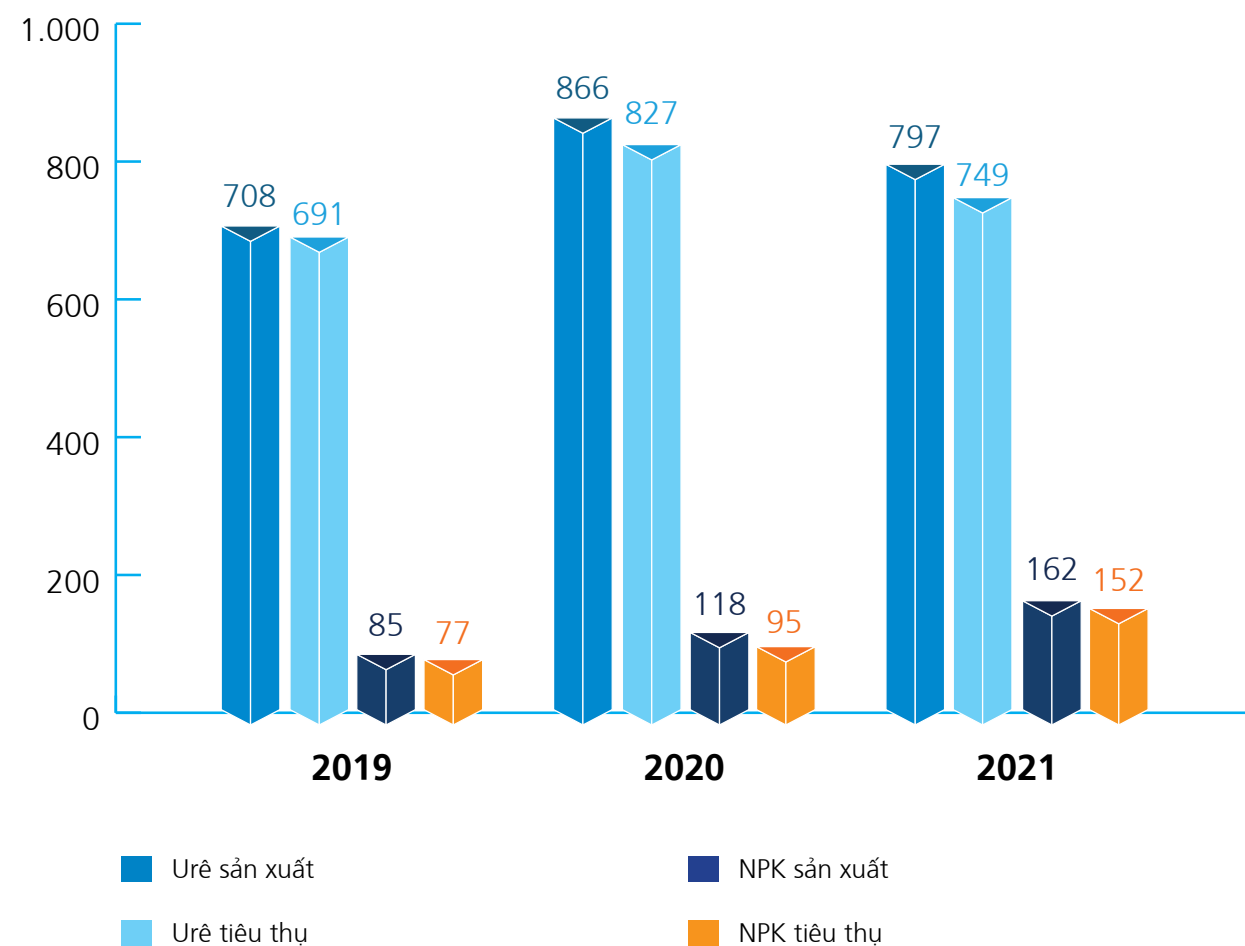
Chỉ tiêu về sản lượng

ĐVT: nghìn tấn

Sản phẩm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Urê sản xuất	807	802	856	822	850	817	818	799	816	708	866	797
Urê tiêu thụ	806	752	908	835	843	835	823	794	812	691	827	749
NPK sản xuất									58	85	118	162
NPK tiêu thụ									38	77	95	152

Chỉ tiêu về sản lượng trong năm 2019 - 2021

ĐVT: nghìn tấn



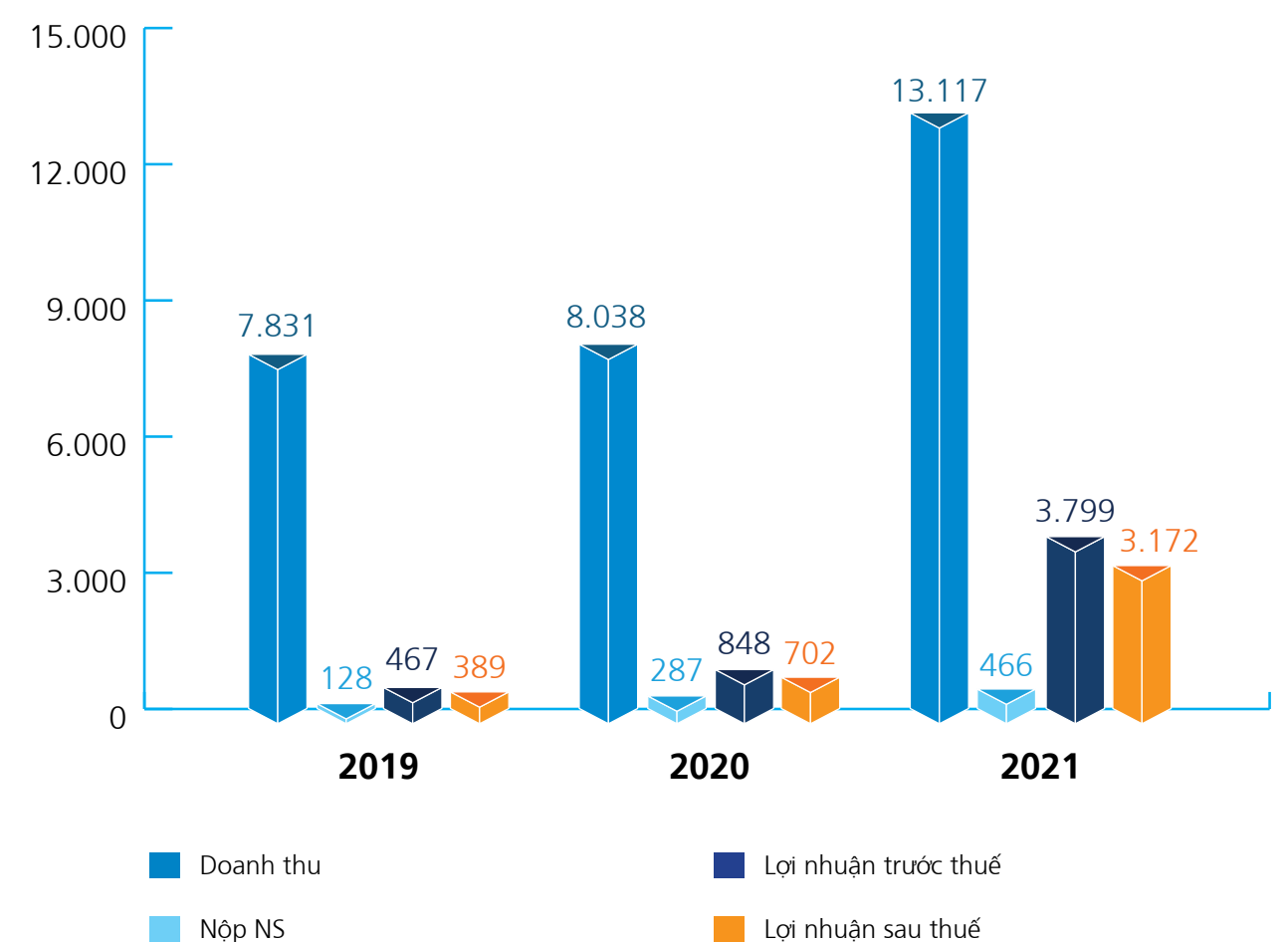
Chỉ tiêu về tài chính hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Doanh thu	6.999	9.763	13.906	10.807	9.972	10.047	8.170	8.178	9.439	7.831	8.038	13.117
Nộp ngân sách	405	537	694	602	308	420	474	515	297	128	287	466
Lợi nhuận trước thuế	1.922	3.510	3.542	2.468	1.285	1.880	1.393	853	871	467	848	3.799
Lợi nhuận sau thuế	1.706	3.140	3.016	2.142	1.096	1.488	1.165	708	712	389	702	3.172

Chỉ tiêu về tài chính hợp nhất năm 2019 - 2021

ĐVT: tỷ đồng



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH (tiếp theo)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Về các khoản đầu tư lớn

Theo kế hoạch năm 2021, PVFCCo triển khai đầu tư/mua sắm với tổng mức đầu tư xây dựng và mua sắm là 263,4 tỷ đồng.

Năm 2021, PVFCCo đã thực hiện giải ngân được hơn 110 tỷ đồng đạt 42% kế hoạch năm theo tiến độ thực tế.

Kết quả hoạt động đầu tư góp vốn (báo cáo tóm tắt về kết quả hoạt động của các công ty con, công ty góp vốn)

STT	Nội dung	Tỷ lệ góp vốn	Tổng giá trị đầu tư thực tế (tỷ đồng)	VĐL (tỷ đồng)	LNST (tỷ đồng)	LNST/VĐL	Cổ tức nhận trong năm 2020 (tỷ đồng)
I	Đầu tư vào Công ty con		386,25	515,00	217,53		26,96
1	PVFCCo North	75,00%	90,00	120,00	38,40	32,0%	6,30
2	PVFCCo Central	75,00%	75,00	100,00	65,81	65,8%	9,00
3	PVFCCo SE	75,00%	93,75	125,00	55,97	44,8%	6,56
4	PVFCCo SW	75,00%	127,50	170,00	57,35	33,7%	5,10
II	Đầu tư vào Công ty LDLK		680,90	2.487,80	-500,87		1,88
1	VNPOLY	25,99%	562,70	2.165,11	-501,80		-
2	PVC Mekong	35,63%	100,00	280,69	-5,79		-
3	PVFCCo Packaging	43,34%	18,20	42,00	6,72	16,0%	1,88
III	Đầu tư dài hạn khác		20,50	396,35	-129,76		0,14
1	PAIC	8,50%	3,60	42,35	3,69	8,7%	0,14
2	Công ty CP Thủy hải sản Útxi	6,78%	16,90	354,00	-133,45		
TỔNG CỘNG			1.087,65	3.399,15	-413,10		28,98



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Tình hình tài sản và nguồn vốn

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Tỷ lệ tăng (giảm)
TỔNG TÀI SẢN	11.300	13.918	23%
▸ Tài sản ngắn hạn	6.314	9.520	51%
▸ Tài sản dài hạn	4.986	4.398	-12%
TỔNG NGUỒN VỐN	11.300	13.918	23%
NỢ PHẢI TRẢ	3.052	3.205	5%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.247	10.713	30%
▸ Vốn điều lệ	3.914	3.914	
TỔNG DOANH THU	8.038	13.117	63%
TỔNG CHI PHÍ	7.192	9.320	30%
LÃI VAY	88,4	69,2	-22%
EBIT	934	3.866	314%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	848	3.799	348%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	702	3.172	352%
▸ LNST cổ đông thiểu số	10	54	440%
▸ LNST Công ty mẹ	692	3.117	350%

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
▸ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,12	4,42
▸ Hệ số thanh toán nhanh	2,39	3,13
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
▸ Hệ số nợ/Tổng tài sản	27%	23%
▸ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	37%	30%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
▸ Vòng quay hàng tồn kho	4,28	3,77
▸ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,68	1,01
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
▸ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	9,04%	24,80%
▸ ROE	8,55%	33,45%
▸ ROA	6,17%	25,15%
▸ EPS	1.413	7.749

CÁC DANH HIỆU TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2021

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



DANH HIỆU HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



(Giấy chứng nhận có giá trị tới hết năm 2021.)

TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT, TOP 500 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM (BẢNG XẾP HẠNG THƯỜNG NIÊN CỦA VIETNAM REPORT)



TOP 50 DOANH NGHIỆP CÓ NĂNG LỰC CẠNH TRANH TỐT NHẤT VIỆT NAM (DANH HIỆU THƯỜNG NIÊN DO VCCI BÌNH CHỌN)



THƯƠNG HIỆU VÀNG TP.HCM 2021 (GIẢI THƯỞNG THƯỜNG NIÊN DO UBND TP.HCM CHỦ TRÌ)



“

Trong bối cảnh tình hình thực tế, điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 như đã được đánh giá, nhận định và trình bày ở phần trên, trên cơ sở nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban điều hành PVFCCo đã tổ chức thực hiện các giải pháp kịp thời, đồng bộ và linh hoạt, giúp Tổng công ty đạt kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 cụ thể như phần báo cáo chi tiết nêu trên.

BAN ĐIỀU HÀNH ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

- ▶ **Trong hoạt động sản xuất:** Nhờ quá trình tích lũy kinh nghiệm trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, năm 2021 Tổng công ty tiếp tục chủ động và nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh và thực hiện tốt công tác bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong sản xuất - yếu tố quan trọng để giảm thiểu sự cố ngừng máy. Bên cạnh đó, việc rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả rõ rệt, kết quả là tổng tiêu hao năng lượng năm 2021 tại các xưởng sản xuất đều thấp hơn định mức ban hành và tổng tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng tại khối sản xuất đạt 143 tỷ đồng. Đặc biệt đã có các biện pháp giúp nâng cao chất lượng và sản lượng sản phẩm NPK.
- ▶ **Trong hoạt động kinh doanh:** Thương hiệu và thị phần Đạm Phú Mỹ được giữ vững trên thị trường trong bối cảnh phân bón trong nước phải cạnh tranh rất khốc liệt, đồng thời tận dụng nhịp giá tăng của thị trường quốc tế, từng bước thực hiện mục tiêu phát triển thị trường nước ngoài, trong năm Tổng công ty xuất khẩu hơn 60 nghìn tấn urê Phú Mỹ. Đặc biệt, sản lượng kinh doanh sản phẩm NPK đạt cao nhất và lần đầu tiên về đích trước kế hoạch kể từ khi dự án đi vào sản xuất thương mại đến nay. Bên cạnh đó, tạo được vị thế trên thị trường bằng chất lượng các sản phẩm NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ và tiếp tục phát triển mảng sản xuất, kinh doanh hóa chất. Tổng công ty đã linh hoạt, áp dụng các thay đổi, cải tiến trong chính sách vận chuyển, phân phối, chính sách bán hàng, tồn kho... nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và mở rộng phân khúc khách hàng cũng như chính sách về tồn kho nguyên liệu đầu vào nhằm ứng phó với biến động thị trường nguyên liệu và đứt gãy chuỗi cung ứng.
- ▶ **Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị:**
 - » Tổng giá trị giải ngân cho các dự án đầu tư, mua sắm là hơn 110 tỷ đồng.
 - » Tổ hợp dự án lớn “Nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK công nghệ hoá học”: Dự án nâng công suất xưởng sản xuất NH₃ hiện tại của Nhà máy đạm Phú Mỹ thêm 90.000 tấn/năm (tăng khoảng 20% công suất hiện có) và xây dựng nhà máy sản xuất 250.000 tấn NPK/năm từ nguồn NH₃ bằng công nghệ hóa học được vận hành, khai thác có hiệu quả. Trong năm 2021, Tổ hợp dự án tiếp tục đóng góp gần 2.400 tỷ đồng, chiếm 18% tổng doanh thu và 461 tỷ đồng lợi nhuận, chiếm 12% tổng lợi nhuận của Tổng công ty.
- ▶ **Trong công tác tổ chức, nhân sự:** Dự án cải tiến chính sách tiền lương và Dự án KPI được áp dụng linh hoạt đã đem lại động lực cho CBCNV phát huy sáng tạo/cải tiến trong công việc và giúp Tổng công ty giữ chân CBCNV có trình độ cao.
- ▶ **Trước các yêu cầu nghiêm ngặt của cơ quan chức năng về phòng chống dịch Covid-19, Tổng công ty đã triển khai thành công và hiệu quả hàng loạt biện pháp ứng phó nhằm đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục, không gián đoạn:** Phương án tổ chức lao động làm việc 3 tại chỗ, làm việc từ xa tại Nhà máy đạm Phú Mỹ và trụ sở Tổng công ty; Tổ chức tiêm vaccine đầy đủ và sớm cho người lao động; Tăng cường và chuyển đổi hệ thống quản lý, xử lý công việc qua hệ thống văn phòng số, kết nối trực tuyến.

Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục và cần nâng cao sự quan tâm, cụ thể như sau:

- ▶ **Về sản xuất:** Nhà máy đạm Phú Mỹ sau nhiều năm vận hành, mặc dù được bảo dưỡng thường xuyên nhưng đã bắt đầu xuất hiện những sự cố ở các thiết bị tĩnh, có nguy cơ ảnh hưởng đến sự ổn định trong vận hành của toàn thể Nhà máy.
- ▶ **Về đầu tư góp vốn tại các doanh nghiệp liên kết:** Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết như VNPOLY, PVC Mekong, Công ty cổ phần Thủy hải sản Út Xi chưa thực hiện được..., hoạt động của các công ty này tiếp tục đạt kết quả kém làm suy giảm vốn đầu tư của Tổng công ty.
- ▶ **Một số chỉ tiêu kế hoạch chưa hoàn thành:**
 - » Sản lượng phân bón kinh doanh khác: Đạt 87%, nguyên nhân là tình hình dịch bệnh, khó khăn về chuỗi cung ứng và thị trường tiêu thụ. Tổng công ty ưu tiên về hiệu quả kinh doanh và cân đối, tập trung tiêu thụ sản phẩm do Tổng công ty sản xuất.
 - » Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt dưới 50% kế hoạch, nguyên nhân do tiến độ giải ngân các mốc cuối cùng của dự án nâng cấp xưởng NH₃ và xây dựng Nhà máy NPK chưa đạt theo yêu cầu.

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2021	Tiền và các khoản tương đương tiền	Đóng góp doanh thu của tổ hợp NH ₃ -NPK	Đóng góp lợi nhuận của tổ hợp NH ₃ -NPK
13.918 tỷ đồng	2.524 tỷ đồng	2.400 tỷ đồng	461 tỷ đồng
tăng 23% so với đầu năm	tăng 24% so với đầu năm	18% trong tổng doanh thu	12% trong tổng lợi nhuận

PHÂN TÍCH VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản và nguồn vốn của PVFCCo

Tổng tài sản của PVFCCo tại ngày 31/12/2021 là 13.918 tỷ đồng, tăng 23% so với đầu năm (13.918 / 11.300 tỷ đồng). Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVFCCo tăng 24% so với đầu năm (2.524 / 2.029 tỷ đồng).

Tình hình nợ phải trả:

- ▶ Khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2021 của PVFCCo là 3.205 tỷ đồng, tăng 5% so với đầu năm (3.205 / 3.052 tỷ đồng).
- ▶ Các chỉ số tổng nợ/ tổng tài sản, tổng nợ/ vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2020 và khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh năm 2021 vẫn duy trì ở mức cao và lớn hơn 1. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt, Tổng công ty không gặp áp lực về nợ khi đến hạn phải trả, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tốt.
- ▶ Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 2.524 tỷ đồng, PVFCCo chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.

Khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời của PVFCCo như ROE, ROA đều tăng nhiều so với năm 2020 (lần lượt tăng 291% và 308%).

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty áp dụng mô hình quản trị gồm có Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo Quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Công tác quản trị của Tổng công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu Quy định tại Nghị định số 155/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Tổng công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh: Hệ thống ERP, hệ thống ISO, hệ thống quản lý và đánh giá nhân viên KPI...

Tổng quan

Năm 2021 trước tình hình khó khăn vì đại dịch Covid-19, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng tiêu cực, tuy nhiên vẫn duy trì được đà tăng trưởng.

Lĩnh vực phân bón bị ảnh hưởng chung của đại dịch, chuỗi cung ứng đứt gãy, đình trệ; tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt, chi phí sản xuất kinh doanh tăng; Ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu tiêu thụ phân bón; Các khó khăn khác của năm 2020 tiếp tục kéo dài như chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tiếp tục chiếm phần đáng kể trong chi phí sản xuất. Tuy nhiên thị trường phân bón thế giới bị ảnh hưởng bởi đại dịch đã hạn chế nguồn cung phân bón nhập khẩu, đẩy mức giá bán sản phẩm lên cao, giúp cho biên lợi nhuận của các nhà sản xuất phân bón trong nước tăng lên. Đồng thời, với nỗ lực khắc phục các bất lợi của đại dịch, quản lý chi phí, tận dụng cơ hội của tập thể lãnh đạo, người lao động Tổng công ty và được sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, Tổng công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 với kết quả lợi nhuận vượt bậc.

Xuất khẩu urê

60 nghìn tấn

Sản lượng sản xuất NPK

162 nghìn tấn

sản lượng kinh doanh đạt gần 152 nghìn tấn

Lợi nhuận trước thuế

3.799 tỷ đồng

vượt xa mức kế hoạch được thông qua

Những kết quả đạt được

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2021 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn Tổng công ty đã tiếp tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của Tổng công ty là Đạm Phú Mỹ, trong năm 2021, Tổng công ty đã tập trung vào quản trị chi phí, tài sản và nâng cao hiệu quả kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối đã xây dựng. Các công ty con trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí. Tổng công ty đã xuất khẩu hơn 60 nghìn tấn urê.

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất urê và NPK. Trong đó xưởng sản xuất phân NPK công nghệ hóa học trong năm 2021 đã sản xuất được 162 nghìn tấn NPK, sản lượng kinh doanh đạt 152 nghìn tấn.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2021 tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO 9001 - 2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 5S, Six Sigma, CBM, RCA, FMEA, RBI, RCM..., bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương (3P) nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Với tình hình thực hiện như trên Tổng công ty đã đạt 3.799 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, vượt xa mức kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Đánh giá về trách nhiệm môi trường và xã hội

Tổng công ty luôn đảm bảo tuân thủ đầy đủ trách nhiệm đối với môi trường và xã hội trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư. Hoạt động chính của Tổng công ty trong lĩnh vực sản xuất phân bón, hóa chất, có liên quan và tác động đến môi trường. Trong sản xuất, công tác tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, môi trường được ưu tiên hàng đầu. Trong phân phối sản phẩm, Tổng công ty luôn luôn có chương trình, kế hoạch triển khai hội thảo, tư vấn, trình diễn đối với bà con nông dân về việc sử dụng phân bón hiệu quả, tiết kiệm, giảm thiểu tác động tới môi trường.

Đối với xã hội, trong nhiều năm qua Tổng công ty luôn luôn là một trong những doanh nghiệp tích cực có đóng góp cho công tác an sinh xã hội, doanh nghiệp vì người lao động.

Kết quả về việc thực hiện trách nhiệm môi trường, xã hội năm 2021 cụ thể như trình bày tại phần Báo cáo phát triển bền vững.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2022

Năm 2022 với các dự liệu về thị trường phân bón, giá khí tiếp tục có những khó khăn như đã diễn ra trong năm 2021, đặc biệt là năm 2021 Tổng công ty đã đạt được kết quả lợi nhuận vượt bậc, với sự ủng hộ, hỗ trợ của cổ đông Nhà nước, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
I Sản lượng sản xuất			
1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	828,0
2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	165,0
3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10,0
4	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	12,8
5	NH ₃ sản xuất bán thương mại	Nghìn tấn	70,0
II Sản lượng kinh doanh			
1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	800,0
2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	165,0
3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10,0
4	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	8,5
5	NH ₃	Nghìn tấn	70,0
6	Phân bón khác	Nghìn tấn	234,0
7	CO ₂	Nghìn tấn	50,0
8	Hóa chất khác	Nghìn tấn	0,668

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11.059
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.130
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	945
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	286
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Triệu đồng/người/tháng	587

Kế hoạch Công ty mẹ

Kế hoạch Tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7.895
2	Trong đó: Vốn điều lệ/vốn điều lệ bình quân	Tỷ đồng	3.914
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.767
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.101
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	927
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,7
7	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (*)	%	15,0
8	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,37
9	Nộp NSNN	Tỷ đồng	267

(*) Tỷ lệ chia cổ tức là tạm tính trên cơ sở giá khí giả định cho sản xuất Đạm Phú Mỹ. Giá khí/cước phí vận chuyển khí cho sản xuất Đạm Phú Mỹ năm 2022 sẽ được chính xác hóa sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt/chấp thuận.

Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
I	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	252,6
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	105,3
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	147,3
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
II	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	252,6
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	252,6
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-
III	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	252,6
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	252,6
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-



ĐỔI MỚI để hội nhập

Quyết liệt đẩy mạnh công tác đổi mới theo hướng tinh gọn, ứng dụng nền tảng số vào quản trị sản xuất kinh doanh là yếu tố tiên quyết để PVFCCo viết tiếp truyền thống đáng tự hào trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế.



Chương 4.

THÔNG TIN VỀ
QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG



TỔNG SỐ CỔ PHẦN

391.400.000

cổ phần

SỞ HỮU BỞI

15.217

cổ đông

VỐN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của Tổng công ty: 391.400.000 cổ phần, tất cả đều là cổ phần phổ thông.

Số cổ phần đang lưu hành: Tại thời điểm cuối năm 2021 tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty là 391.334.260 cổ phiếu (trừ 65.740 cổ phiếu quỹ).

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2021, Tổng công ty không có sự thay đổi.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

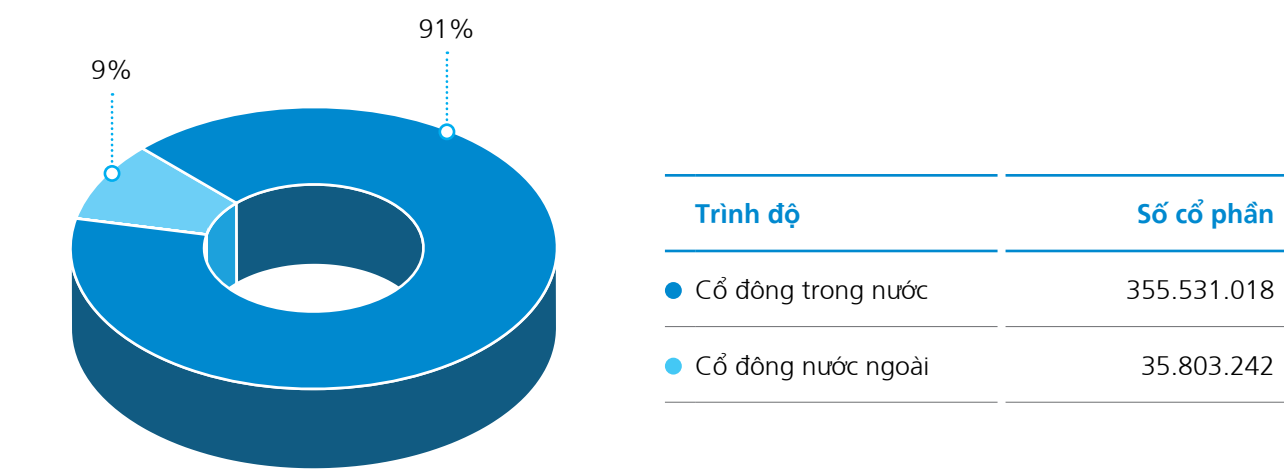
Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm đầu năm 2021: 65.740 cổ phần.

Trong năm 2021, Tổng công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ. Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2021: 65.740 cổ phần.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 28/01/2022, tổng số cổ phần đang lưu hành là 391.334.260 cổ phần, sở hữu bởi 15.217 cổ đông.

Biểu đồ cơ cấu cổ đông



CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Pháp nhân	102	272.290.461	69,58%
Cá nhân	14.658	83.240.557	21,27%
Tổng cộng	14.760	355.531.018	90,85%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước

Tên cổ đông và địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tập đoàn kinh tế nhà nước thuộc sở hữu của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam Website: www.pvn.vn	- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ và vận chuyển dầu khí, làm dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong ngành dầu khí; Kinh doanh, phân phối sản phẩm dầu khí và hóa dầu; - Đầu tư sản xuất, kinh doanh điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo; - Các ngành nghề kinh doanh phụ trợ liên quan đến lĩnh vực dầu khí, năng lượng.	233.204.253	59,59%



CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Pháp nhân	67	34.451.954	8,80%
Cá nhân	390	1.351.288	0,35%
Tổng cộng	457	35.803.242	9,15%

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông lớn nước ngoài: Không có

CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC: TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM (như trên)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu DPM	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân
Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác (thôi giữ chức từ ngày 27/04/2021)		
2	Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác (giữ chức từ ngày 27/04/2021)	92.300.253	-
3	Lê Cự Tân	Thành viên HĐQT kiêm TGD, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	62.624.000	170.500
4	Dương Trí Hội	Thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	39.140.000	-
5	Trịnh Văn Khiêm	Thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	39.140.000	-
6	Louis T Nguyen	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành, là Tổng giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đầu tư SAM	-	-
Ban Tổng giám đốc				
1.	Lê Cự Tân	Tổng giám đốc	62.624.000	170.500
2.	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	-	-
3.	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	-	-
4.	Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng giám đốc	-	65.700
5.	Cao Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	-	-
6.	Đào Văn Ngọc	Phó Tổng giám đốc	-	-
7.	Tạ Quang Huy	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 27/04/2021)	-	-
Ban kiểm soát				
1.	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	-	-
2.	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	-	-
3.	Lương Phương	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Kế toán trưởng				
1.	Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng	-	24.700

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu gồm 5 thành viên với thông tin chi tiết như ở các phần trên. HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Tổng công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2021, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm (01 thành viên độc lập) đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Trong năm 2021, HĐQT họp 6 phiên họp và 85 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 62 nghị quyết, quyết định quan trọng và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

Kế hoạch, chiến lược

- ▶ Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022;
- ▶ Triển khai rà soát, xây dựng Chiến lược phát triển Tổng công ty.

Về tổ chức - nhân sự

- ▶ Kiện toàn các chức danh lãnh đạo cao cấp (Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc);
- ▶ Tiếp tục chỉ đạo triển khai công tác tái sắp xếp cơ cấu bộ máy quản trị điều hành công ty mẹ và các công ty con, công tác tái cơ cấu tổng thể;
- ▶ Phê duyệt định biên lao động.

Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ

Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình và bộ máy được hoàn thiện từ dự án hỗ trợ thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ; Chỉ đạo thực hiện công tác chuyển đổi số;

Đầu tư, triển khai các dự án

Chỉ đạo triển khai và xử lý vướng mắc nhằm hoàn thành giai đoạn kết thúc của dự án đầu tư nâng công suất xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân bón NPK công nghệ hóa học.

Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế

Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban hành Quy chế quản lý người đại diện tại các doanh nghiệp, Quy chế quản lý đầu tư xây dựng, mua sắm và đấu thầu, Quy chế quản trị danh mục đầu tư, Quy chế Khoa học và Công nghệ, Quy chế công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán, ...

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 (tiếp theo)

Công tác tái cơ cấu

Chỉ đạo triển khai công tác tái cơ cấu tổng thể Tổng công ty và các đơn vị thành viên;

Quan hệ cổ đông

Tổ chức thành công phiên họp ĐHCĐ gồm có ĐHCĐ thường niên 2021 (trong tháng 4/2021). Chỉ đạo bộ phận IR tích cực triển khai các hoạt động tiếp xúc, trao đổi cập nhật thông tin thông qua kênh trực tuyến nhằm đảm bảo thông tin liên tục, đầy đủ về kết quả hoạt động tới cổ đông, nhà đầu tư.

Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính

Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THÔNG QUA VÀ BAN HÀNH TRONG NĂM 2021

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	21-01-NQ-PBHC	05/01/2021	NQ tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020
2	21-14-QD-PBHC	13/01/2021	QĐ Phê duyệt Quy hoạch hệ thống kho - Cảng giai đoạn 2020-2025, chiến lược đến năm 2030 của Tổng công ty
3	21-22-NQ-PBHC	19/01/2021	NQ thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm toán nội bộ PVFCCo
4	21-23-NQ-PBHC	19/01/2021	NQ thông qua nội dung sửa đổi bổ sung 01 - Hợp đồng mua bán khí với PV Gas năm 2020
5	21-28-NQ-PBHC	25/01/2021	NQ phương án xử lý các tồn đọng, tranh chấp Hợp đồng EPC dự án xây dựng Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học
6	21-29-NQ-PBHC	27/01/2021	NQ phê duyệt Kế hoạch Khoa học và Công nghệ năm 2021 của PVFCCo
7	21-30-QD-PBHC	27/01/2021	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế về công tác thanh tra và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh tại PVFCCo
8	21-40-NQ-PBHC	01/02/2021	NQ thông qua kế hoạch tổ chức phiên họp thường niên năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông PVFCCo
9	21-53-NQ-PBHC	24/02/2021	NQ phê duyệt kế hoạch dòng tiền năm 2021 và triển khai công tác quản lý vốn bằng tiền quý 1 năm 2021
10	21-52-NQ-PBHC	24/02/2021	NQ phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 - 2022
11	21-51-NQ-PBHC	24/02/2021	NQ thông qua nội dung sửa đổi bổ sung số 01 - Hợp đồng mua bán khí với PV Gas năm 2020
12	21-69-QD-PBHC	12/03/2021	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế Khoa học và Công nghệ của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
13	21-77-NQ-PBHC	23/03/2021	NQ thông qua Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021
14	21-80-QD-PBHC	26/03/2021	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
15	21-81-NQ-PBHC	29/03/2021	NQ phê duyệt điều chỉnh Bộ định mức số 02
16	21-83-QD-PBHC	30/03/2021	QĐ bổ nhiệm lại bà Trần Thị Phương Thảo giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
17	21-84-QD-PBHC	30/03/2021	QĐ bổ nhiệm lại ông Võ Ngọc Phương giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
18	21-91-NQ-PBHC	31/03/2021	NQ phiên họp Hội đồng quản trị Tổng công ty
19	21-92-NQ-PBHC	31/03/2021	NQ phê duyệt kế hoạch vốn lưu động công ty mẹ đối với phân bón Phú Mỹ năm 2021
20	21-93-QD-PBHC	31/03/2021	QĐ kiện toàn Hội đồng Khoa học và Công nghệ của PVFCCo

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
21	21-102-NQ-PBHC	08/04/2021	NQ phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2020 của PVFCCo
22	21-110-NQ-PBHC	14/04/2021	NQ phương án tổ chức và bố trí địa điểm làm việc của một số Ban chức năng
23	21-112-QĐ-PBHC	16/04/2021	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng, đấu thầu và mua sắm của PVFCCo
24	21-113-NQ-PBHC	16/04/2021	NQ đề xuất thực hiện phương án xử lý các tồn đọng, tranh chấp Hợp đồng EPC dự án xây dựng Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học
25	21-117-NQ-PBHC	23/04/2021	NQ về việc thông qua chương trình, tài liệu phiên họp thường niên năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông PVFCCo
26	21-47-NQ-DHDCD	27/04/2021	NQ phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
27	21-48-NQ-DHDCD	27/04/2021	NQ ban hành Điều lệ Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
28	21-118-NQ-PBHC	27/04/2021	NQ về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị PVFCCo
29	21-119-QĐ-PBHC	27/04/2021	QĐ bổ nhiệm ông Tạ Quang Huy giữ chức Phó Tổng giám đốc PVFCCo
30	21-122-QĐ-PBHC	29/04/2021	QĐ ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của PVFCCo
31	21-123-QĐ-PBHC	29/04/2021	QĐ ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PVFCCo
32	21-139-NQ-PBHC	13/05/2021	NQ phân công công việc trong Hội đồng quản trị Tổng công ty về lĩnh vực chuyên môn và theo dõi hoạt động của các Ban/đơn vị thuộc Tổng công ty
33	21-153-NQ-PBHC	26/05/2021	NQ thông qua nội dung thỏa thuận thanh quyết toán tiền mua bán khí năm 2020 với PVGAS
34	21-166-NQ-PBHC	26/05/2021	NQ thông qua phương án triển khai an sinh xã hội năm 2021-2022
35	21-176-NQ-PBHC	04/06/2021	NQ phương án kiện toàn nhân sự các ban, văn phòng và Chi nhánh
36	21-177-NQ-PBHC	04/06/2021	NQ thông qua phương án số lượng, cơ cấu và nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát các công ty con thuộc Tổng công ty
37	21-180-QĐ-PBHC	09/06/2021	QĐ thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển
38	21-181-QĐ-PBHC	09/06/2021	QĐ kiện toàn Ban chỉ đạo công tác tái cơ cấu Tổng công ty
39	21-183-NQ-PBHC	11/06/2021	NQ thông qua Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ năm 2021 của PVFCCo
40	21-184-NQ-PBHC	11/06/2021	NQ phê duyệt điều chỉnh các bộ định mức số 1, 6, 7, 8,2, 8,3 và 8,4
41	21-191-NQ-PBHC	15/06/2021	NQ phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng đầu tư tiền gửi năm 2021
42	21-208/NQ-PBHC	01/07/2021	NQ phân bổ quản lý vốn góp của người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
43	21-209/NQ-PBHC	01/07/2021	NQ phân bổ quản lý vốn góp của người đại diện phần vốn của TCT tại Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung
44	21-210/NQ-PBHC	01/07/2021	NQ phân bổ quản lý vốn góp của người đại diện phần vốn của TCT tại Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Đông Nam Bộ
45	21-211/NQ-PBHC	01/07/2021	NQ phân bổ quản lý vốn góp của người đại diện phần vốn của TCT tại Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
46	21-214/NQ-PBHC	02/07/2021	NQ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và ký hợp đồng thuê đơn vị soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
47	21-215/QĐ-PBHC	02/07/2021	QĐ giao nhiệm vụ phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ cho bà Nguyễn Thị Kim Anh
48	21-268/QĐ-PBHC	31/08/2021	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế về Quản trị danh mục đầu tư của PVFCCo
49	21-286/NQ-PBHC	27/09/2021	NQ phê duyệt và ban hành tạm thời Bộ định mức số 4 NPK -Định mức vật tư, phụ tùng bảo dưỡng-sửa chữa định kỳ Xưởng NPK NMĐPM
50	21-330/NQ-PBHC	12/11/2021	NQ phê duyệt quyết toán chi phí BDTT 2021 NMĐPM
51	21-342/NQ-PBHC	17/11/2021	Phê duyệt điều chỉnh danh mục chi tiết Bộ định mức vật tư dự phòng tối thiểu xưởng NPK NMĐPM
52	21-352/QĐ-PBHC	25/11/2021	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế chi tiêu, sử dụng nguồn vốn của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của PVFCCo
53	21-353/QĐ-PBHC	25/11/2021	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế Khoa học và Công nghệ của PVFCCo
54	21-371/NQ-PBHC	7/12/2021	NQ V/v phê duyệt điều chỉnh bộ định mức tạm thời cho sản xuất NPK
55	21-372/NQ-PBHC	7/12/2021	NQ chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc
56	21-373/NQ-PBHC	7/12/2021	NQ chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung
57	21-374/NQ-PBHC	7/12/2021	NQ chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
58	21-375/NQ-PBHC	7/12/2021	NQ chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
59	21-395/NQ-PBHC	27/12/2021	NQ phê duyệt và giao kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2022 của PVFCCo
60	21-398/NQ-PBHC	29/12/2021	NQ phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của PVFCCo
61	21-399/QĐ-PBHC	29/12/2021	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán của TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí
62	21-406/NQ-PBHC	31/12/2021	NQ phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2021 của PVFCCo

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị Louis T. Nguyễn và Tạ Quang Huy hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự và ủy quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị kể từ thời điểm được bầu vào Hội đồng quản trị.

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về quản trị/điều hành của Tổng công ty trong năm 2021

Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, Điều lệ Tổng công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ điều hành đã thực hiện và tuân thủ đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn được giao theo quy định với mục tiêu bảo vệ quyền lợi cho toàn thể cổ đông của Tổng công ty, kết quả được thể hiện qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

Trong Tổng công ty, cổ đông Nhà nước cũng giống như các cổ đông khác, đều mong muốn giá trị của công ty tăng lên. Những người quản trị là đại diện vốn nhà nước ngoài nhiệm vụ tuân thủ chế độ quản trị doanh nghiệp, còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn phần vốn của Nhà nước. Tổng công ty phụ thuộc khá lớn vào chi phí nguyên liệu sản xuất và trong bối cảnh nguồn khí giá rẻ suy giảm, Ban quản trị đã hết sức nỗ lực trong việc thuyết trình, đề xuất, bảo vệ cho những cam kết, hay chính sách của

Nhà nước có lợi nhất cho Tổng công ty về lĩnh vực này trong ngắn hạn và dài hạn. HĐQT Tổng công ty đã hoạt động tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị đối với công ty niêm yết, đảm bảo cho các thành viên HĐQT và thành viên HĐQT độc lập thực thi quyền hạn, trách nhiệm. Ngoài ra các nhiệm vụ như đã nêu, năm 2021 Tổng công ty tiếp tục phải đối mặt với nhiều biến động thị trường và rủi ro từ dịch bệnh Covid-19 bùng phát ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng các nguồn lực, linh hoạt chuyển đổi để phù hợp với bối cảnh thách thức mới, bám sát các mục tiêu trọng yếu nhằm đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra, với kết quả hoạt động vượt kỳ vọng của cổ đông, Nhà đầu tư.

Để tiến tới và tiếp cận sát với các chuẩn mực quản trị tiên tiến, HĐQT cần có sự rà soát, cải tiến nội dung hoạt động theo hướng tăng cường công tác định hướng, chiến lược và giám sát, xây dựng cơ chế phân cấp mạnh mẽ và phù hợp để giảm bớt sự tham gia vào các hoạt động mang tính chất điều hành. Trong năm 2021, Tổng công ty tiếp tục tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp thực hiện

chương trình tái cơ cấu nhằm tinh gọn bộ máy song song với việc triển khai cập nhật, hoàn thiện chiến lược phát triển trung và dài hạn để sớm báo cáo cổ đông góp ý, thông qua.

Thành viên độc lập phụ trách về mảng quan hệ với các cổ đông đặc biệt là nước ngoài, chiếm tỷ lệ khá lớn trong công ty. Trong năm 2021 với kết quả hoạt động của công ty có nhiều khởi sắc, nhu cầu tiếp cận thông tin từ cộng đồng nhà đầu tư đã tăng mạnh (đặc biệt trong giai đoạn phong tỏa, giãn cách kéo dài). Thành viên độc lập đã tích cực kết nối với Ban lãnh đạo và bộ phận chức năng tiếp tục tăng cường chuyển tải đến nhà đầu tư về những giá trị, những lợi thế của Tổng công ty và nỗ lực từ ban quản trị, điều hành, và ngược lại cũng mang những đóng góp, ý tưởng từ nhà đầu tư về cho HĐQT về đường lối, chiến lược phát triển, hay những phương hướng về tìm nhà đầu tư chiến lược. Tổng công ty đã và đang có những nền tảng quản trị tốt trong số những công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước. Và việc cải tiến liên tục để đạt hiệu quả cao hơn nữa là điều mong muốn đương nhiên của tất cả các cổ đông.

BỒI DƯỠNG, ĐÀO TẠO NÂNG CAO KIẾN THỨC QUẢN TRỊ CÔNG TY CHO CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về Quản trị công ty tại thời điểm được bầu và bổ nhiệm.

Các thành viên HĐQT luôn chủ động bồi dưỡng, đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức về Quản trị công ty để đáp ứng yêu cầu công việc.

VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Hội đồng quản trị đã thông qua và cho ban hành các quy chế: Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và giao Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thực hiện và ban hành các quy chế.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty tìm kiếm và chủ động quyết định việc mua khí nguyên liệu phục vụ sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và chỉ đạo của các Cấp có thẩm quyền, trước mắt Hội đồng quản trị đã thông qua việc gia hạn hợp đồng mua bán khí năm 2020 đến hết năm 2022 và nỗ lực để có thể đạt được hợp đồng cung cấp khí cho các năm tiếp theo.

“ Các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ điều hành đã thực hiện và tuân thủ đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn được giao theo quy định với mục tiêu bảo vệ quyền lợi cho toàn thể cổ đông của Tổng công ty, kết quả được thể hiện qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY, VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả hoạt động của Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và đánh giá, năm 2021 Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, các báo cáo này phản ánh đúng, đầy đủ trung thực.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

Kinh doanh phân bón tự doanh: Sản lượng tiêu thụ cả năm	LNTT 2021
244 nghìn tấn hoàn thành 87% kế hoạch năm, tăng 36% so với năm 2020	3.799 tỷ đồng tăng 348% so với năm 2020

Urê Phú Mỹ: Sản lượng tiêu thụ cả năm 2021

749 nghìn tấn hoàn thành 100% kế hoạch năm, giảm 9% so với năm 2020
--

Sản lượng kinh doanh các sản phẩm hóa chất

124 nghìn tấn hoàn thành 102% kế hoạch năm, giảm 6% so với năm 2020
--

LNST 2021

3.172 tỷ đồng tăng 352% so với năm 2020
--

NPK Phú Mỹ: Sản lượng tiêu thụ cả năm 2021

151,4 nghìn tấn hoàn thành 108% kế hoạch năm, tăng 60% so với năm 2020

Tổng doanh thu năm 2021

13.117 tỷ đồng hoàn thành 109% kế hoạch năm, tăng 63% so với năm 2020
--

Về công tác triển khai các dự án đầu tư

Tổ hợp dự án nâng công suất phân xưởng NH₃ và Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học hoàn thành đưa vào sử dụng, hiện đang triển khai công tác nghiệm thu cuối cùng (FAC), quyết toán A-B hợp đồng EPC, các hợp đồng liên quan khác và quyết toán vốn dự án.

Về công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp và hoàn thiện công tác quản lý, điều hành

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng tái cơ cấu tổng thể mô hình tổ chức hoạt động Tổng công ty giai đoạn 2020-2025, thực hiện xong bước sắp xếp sát nhập 13 ban chức năng văn phòng Công ty mẹ thành 8 Ban chức năng, ký hợp đồng tư vấn và xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn đến 2035.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính của Tổng công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty, việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, việc huy động vốn, sử dụng nguồn vốn, đầu tư mua sắm đúng với các quy định hiện hành, đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán.

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm 2021, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, Ban kiểm soát đã hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ, phối hợp tổ chức kiểm tra và có báo cáo kiến nghị về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 của các Công ty trực thuộc vùng miền. Đánh giá: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát được giao theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tiền lương, thưởng, thù lao của các thành viên được xây dựng, thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

TỔNG KẾT CÁC PHIÊN HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT, CÁC KẾT LUẬN KIẾN NGHỊ, KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ và 3 cuộc họp đột xuất để bầu Trưởng Ban nhiệm kỳ mới, phân công nhiệm vụ các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thẩm định báo cáo tài chính quý/6 tháng/năm, thông qua báo cáo giám sát, trả lời các ý kiến của cổ đông, báo cáo thẩm định tiền lương và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban kiểm soát.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY, CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY KHÁC DO TỔNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN ĐÓ

Đến 31/12/2021, tổng số vốn góp vào các Công ty con không thay đổi, tỷ lệ vốn góp 75%/VĐL là 386,25 tỷ đồng, các Công ty này làm hệ thống đại lý, phân phối sản phẩm của Tổng công ty, các giao dịch mua bán đúng quy định, đúng điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (CÔNG TY CON) TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH: Không có

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực, thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền để HĐQT ra quyết định, giám sát, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị. Cùng với Ban điều hành chỉ đạo và thực hiện tốt nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quyết định điều hành kịp thời thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành của Tổng công ty. Tham gia và có ý kiến trong các cuộc họp, các kiến nghị, góp ý của Ban kiểm soát Ban điều hành chỉ đạo các Ban chức năng thực hiện và có trả lời bằng văn bản.

BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và Ban điều hành theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên.

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

Chi tiết tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2021

STT	Họ & tên	Chức danh	Quỹ lương, thưởng		
			Quỹ Tiền lương	Quỹ Tiền thưởng	Tổng thu nhập
I	Hội đồng quản trị		6.460	770	7.230
1	Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT (đến 27/04/2021)	373	47	420
2	Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch HĐQT (từ 27/04/2021)	1.240	155	1.395
3	Lê Cự Tân	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	1.712	214	1.926
4	Dương Trí Hội	Ủy viên HĐQT	1.486	186	1.672
5	Trịnh Văn Khiêm	Ủy viên HĐQT	1.348	168	1.516
6	Louis T Nguyễn	UV HĐQT không chuyên trách	301	-	301
II./	Phó TGD, KTT		9.821	1.228	11.049
1	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	1.486	186	1.672
2	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	1.486	186	1.672
3	Đào Văn Ngọc	Phó Tổng giám đốc	1.323	165	1.488
4	Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng giám đốc	1.486	186	1.672
5	Cao Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	1.370	171	1.542
6	Tạ Quang Huy	Thành viên HĐQT (đến 27/04/2021) và Phó Tổng giám đốc (từ 28/04/2021)	1.323	165	1.488
7	Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng	1.348	168	1.516

STT	Họ & tên	Chức danh	Quỹ lương, thưởng		
			Quỹ Tiền lương	Quỹ Tiền thưởng	Tổng thu nhập
III./	Ban kiểm soát:		2.982	339	3.321
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	1.486	186	1.672
2	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban kiểm soát	1.222	153	1.375
3	Lương Phương	TV.BKS không chuyên trách	274	-	274
Tổng cộng			19.264	2.336	21.600

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Ngày 15/06/2021, bà Lê Thị Thu Hương, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đã giao dịch bán 63.500 cổ phiếu DPM.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2021, không phát sinh các giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

Hợp đồng hoặc giao dịch với các tổ chức, cá nhân có liên quan

- ▶ Hợp đồng mua bán khí với Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas).
- ▶ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thương hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).
- ▶ Hợp đồng mua bán sản phẩm giữa Tổng công ty với 4 công ty con trực thuộc.

BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Quản trị công ty niêm yết:

- ▶ Đảm bảo tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- ▶ Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ đầy đủ quy định của Pháp luật về doanh nghiệp và quy định quản trị đối với công ty đại chúng, niêm yết. Tổ chức họp và thông qua ý kiến Hội đồng quản trị đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật về doanh nghiệp.
- ▶ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng, niêm yết.
- ▶ Báo cáo thường niên và các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông được lập với đầy đủ nội dung và thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị, điều hành, giám sát của Tổng công ty.
- ▶ Tuân thủ chặt chẽ các quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán và các quy định về quản trị doanh nghiệp niêm yết.
- ▶ Hội đồng quản trị đã xây dựng và ban hành đầy đủ các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, ban hành Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Về nâng cao năng lực quản trị công ty, hướng tới các chuẩn mực quản trị quốc tế khu vực và quốc tế: Thực hiện/tham gia các khóa đào tạo cho các thành viên Ban điều hành/Ban KS/các thành viên trong HĐQT.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN CỦA TỔNG CÔNG TY

Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN là bộ câu hỏi được xây dựng trên các quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác phát triển kinh tế (OECD) và các thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực nhằm đánh giá thông lệ quản trị công ty của các công ty niêm yết lớn trong các quốc gia thành viên tham gia dự án gồm Malaysia, Indonesia, Singapore, Thái Lan, Phillipines và Việt Nam...

Dự án đánh giá Quản trị công ty của ASEAN do diễn đàn thị trường Tài chính khu vực ASEAN (ACMF) thực hiện từ năm 2012 đến nay, nhằm mục đích đánh giá và vinh danh các công ty niêm yết dẫn đầu về quản trị công ty trong khu vực và được kỳ vọng nâng cao hình ảnh công ty niêm yết, khả năng thu hút đầu tư cũng như nâng cao hình ảnh thị trường vốn, hướng tới hội nhập ASEAN. Các tiêu chí đánh giá, chấm điểm quản trị công ty được dựa trên các thông tin tin cậy mà công ty cung cấp rộng rãi như Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử của công ty, các thông báo cho cổ đông, các Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên...

Vào tháng 11/2015, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí đã vinh dự nhận giải thưởng “Quản trị công ty khu vực ASEAN” cho 3 công ty niêm yết có điểm quản trị công ty đứng đầu Việt Nam theo chương trình Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN. Ngoài ra, trong các năm vừa qua Tổng công ty cũng vinh dự nhận giải thưởng Top DNNY quản trị tốt nhất nhóm vốn hóa lớn và vừa do Sở GDCK TP.HCM kết hợp với các đối tác Dragon Capital và Báo Đầu tư Chứng khoán trao tặng. Đây là giải thưởng hàng năm vinh danh các doanh nghiệp niêm yết có điểm quản trị cao nhất dựa trên các tiêu chí đánh giá quản trị của các chuyên gia hàng đầu trong nước và khu vực.

Trong năm 2021, nền kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với những thách thức khi đại dịch Covid-19 bùng phát kéo theo sự gián đoạn đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa dịch vụ trên phạm vi toàn cầu. Trong bối cảnh nền kinh tế chịu ảnh hưởng lớn do lệnh phong tỏa nghiêm ngặt kéo dài, HĐQT cùng Ban điều hành Tổng công ty đã chủ động xây dựng và kích hoạt hệ thống ứng phó rủi ro khủng hoảng tiềm ẩn từ dịch bệnh trên toàn hệ thống nhằm hoàn thành xuất sắc đột bảo dưỡng tổng thể, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, linh hoạt nắm bắt thời cơ giá bán hồi phục mạnh để nâng cao công suất, cải tiến chất lượng sản phẩm, đạt được bước tiến đột phá về hiệu quả hoạt động và quy mô vốn hóa thị trường.

Với kết quả hoạt động khởi sắc trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát kéo dài, Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ do ĐHCĐ giao phó, duy trì niềm tin với cổ đông và đối tác, tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị công ty nhằm ngày càng tiệm cận gần hơn nữa với các chuẩn mực quản trị công ty trong khu vực.

“

Bất chấp dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp, năm 2021 chứng kiến sự thăng hoa của thị trường Chứng khoán Việt Nam khi chỉ số VN-Index vượt mức 1.500 điểm, mốc cao nhất trong 21 năm thành lập thị trường. Với đà phục hồi mạnh về giá bán và diễn biến tích cực về cung cầu, cổ phiếu ngành phân bón nói chung và đặc biệt là cổ phiếu DPM cũng đã đạt mức tăng trưởng đột phá lên mức cao nhất lịch sử, thu hút dòng tiền lớn từ thị trường.



Chỉ số VN-Index vượt mức

1.500 điểm

mốc cao nhất trong 21 năm thành lập thị trường

Giá cổ phiếu DPM ngày 31/12/2021

50.000 đồng

tăng 179% trong năm 2021

Trong bối cảnh TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận trải qua đợt phong tỏa, giãn cách kéo dài do dịch Covid-19 bùng phát, tác động lớn tới mọi mặt đời sống xã hội và điều kiện sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, PVFCCo không phải là ngoại lệ. Tập thể PVFCCo đã phát huy được tinh thần vượt khó, chủ động và sáng tạo thích ứng với bối cảnh nhiều biến động, tận dụng được các điều kiện thuận lợi của thị trường để tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, đạt được kết quả hoạt động vượt trội, vượt kỳ vọng của thị trường.

Với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vượt trội so với các công ty cùng ngành và so với các năm gần đây, giá cổ phiếu DPM trong năm 2021 đã tăng 179%, đạt mức giá 50.000 đồng ngày 31/12/2021, nâng mức vốn hóa DPM tiệm cận gần mức 20.000 tỷ đồng. Với mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2021, thanh khoản cổ phiếu DPM đã cải thiện mạnh lên khoảng 4 triệu cổ

phiếu/ngày giao dịch, tăng gấp hơn 10 lần so với mức trung bình vài năm gần đây, kéo theo sự quan tâm lớn từ cộng đồng nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các tổ chức môi giới trong và ngoài nước.

Trong năm 2021, tiếp nối các định hướng về hoạt động Quan hệ NĐT, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ của Ban lãnh đạo Tổng công ty, mảng IR đã sát cánh, là cầu nối thông tin giữa PVFCCo với thị trường, với các mảng hoạt động được triển khai gắn kết với các mục tiêu chiến lược của công ty với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp; minh bạch trong công bố thông tin hoạt động trên mọi lĩnh vực; đảm bảo tuân thủ các quy định, nguyên tắc đối xử công bằng với cổ đông; hướng tới sự phát triển ổn định, bền vững và không ngừng giá tăng giá trị đối với xã hội, cổ đông, đối tác và người lao động.

Các hoạt động IR cụ thể như sau:

Nâng cao chất lượng quản trị gắn với mục tiêu phát triển bền vững

Cập nhật những nội dung, quy định mới nhất về quản trị doanh nghiệp nhằm tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hoạt động quản trị trên các lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, đảm bảo tuân thủ luật pháp và quản trị rủi ro trong hệ thống hoạt động...

Các mục tiêu, kế hoạch được HĐQT, Ban kiểm soát trao đổi cởi mở trên tinh thần hợp tác, cầu thị với Ban điều hành và được các cổ đông biểu quyết với tỷ lệ ủng hộ cao thông qua tại phiên họp ĐHCĐ định kỳ hàng năm.

Minh bạch thông tin

Xây dựng các kênh thông tin nhằm đảm bảo thông tin được cung cấp nhanh chóng, đầy đủ, chính xác và công bằng tới cổ đông, NĐT:

- ▶ Tổng công ty có nhân sự chuyên trách thực hiện mảng công việc Quan hệ Nhà đầu tư với sự kết nối, hỗ trợ chặt chẽ từ các cấp lãnh đạo và các bộ phận chức năng trong toàn hệ thống công ty.
- ▶ Thường xuyên trao đổi thông tin (theo định kỳ và yêu cầu) của NĐT: Họp trực tuyến cập nhật kết quả

hoạt động hàng quý (Song ngữ Anh - Việt); Trong năm 2021, PVFCCo đã tổ chức định kỳ hàng quý gặp mặt các quỹ đầu tư và các tổ chức môi giới với sự tham gia đông đảo của hàng trăm đại diện NĐT trong và ngoài nước. Theo đó, kết quả hàng quý được cập nhật chi tiết tới NĐT và giải đáp mọi thắc mắc của NĐT về tình hình hoạt động của công ty trong kỳ.

- ▶ Đảm bảo tuân thủ các quy định về công bố thông tin (định kỳ và bất thường).
- ▶ Thực hiện các ấn phẩm chuyên biệt tới cổ đông, NĐT: Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững, Bản tin NĐT, Slide giới thiệu về Tổng công ty (Song ngữ Anh - Việt).
- ▶ Xây dựng kênh phản hồi thông tin từ thị trường, thực hiện báo cáo định kỳ tới Ban lãnh đạo về nhận định, đánh giá từ thị trường cùng các vấn đề được Nhà đầu tư quan tâm nhằm đảm bảo các thông tin về DPM được chuyển tải chính xác, kịp thời, phản ánh đúng giá trị và tiềm năng của doanh nghiệp và đảm bảo kiểm soát thông tin, tránh việc lợi dụng các thông tin sai lệch, không chính xác để trục lợi, đảm bảo lợi ích dài hạn và công bằng trong tiếp cận thông tin đối với mọi cổ đông.

“

Năm 2021, nền kinh tế thế giới ghi nhận với rất nhiều khó khăn khi phải đối mặt với diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 cũng như những yếu tố bất ổn đến từ thị trường năng lượng, tình hình địa chính trị,...

Với giá dầu thế giới tăng, làm tăng chi phí đầu vào và tăng chi phí vận chuyển hàng hóa; Chính sách thuế VAT chưa được điều chỉnh phù hợp; Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, chuỗi cung ứng bị đứt gãy nghiêm trọng làm suy giảm kinh tế, làm phát sinh tăng các chi phí liên quan đến công tác phòng chống dịch của PVFCCo, chi phí đầu vào cho nông nghiệp, đặc biệt là giá phân bón tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của người nông dân, dẫn đến xu hướng giảm đầu tư phân bón cho cây trồng, ảnh hưởng về lâu dài đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty, trong khi Nhà máy đạm Phú Mỹ sau 18 năm vận hành đã tiềm ẩn rủi ro từ máy móc thiết bị.

Để hạn chế các rủi ro và đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2021, PVFCCo đã xác định các nhóm rủi ro then chốt và triển khai các giải pháp quản trị rủi ro hiệu quả để đạt được các mục tiêu:

- Đảm bảo vận hành an toàn Nhà máy đạm Phú Mỹ trong điều kiện nhà máy, thiết bị ngày càng già cỗi, giá nguyên vật liệu đầu vào luôn biến động, thị trường tiêu thụ ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

- Đa dạng hóa sản phẩm mới, ổn định và phát triển sản phẩm truyền thống nhằm khẳng định vị trí dẫn đầu về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa.

- Vận hành các dự án đầu tư mới với các sản phẩm mới, triển khai kinh doanh tốt các sản phẩm phân bón và hóa chất do Tổng công ty sản xuất nhằm đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn của PVFCCo.



Nhằm đạt được các mục tiêu ở trên để phát triển PVFCCo bền vững kết hợp với trách nhiệm bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, hài hòa với trách nhiệm xã hội, năm 2021 vừa qua, PVFCCo luôn quản trị tốt các nhóm rủi ro trọng yếu như sau:



RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Nhằm duy trì mục tiêu dẫn đầu cả nước về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa, PVFCCo đã không ngừng đánh giá, kiểm soát và xử lý tốt rủi ro thị trường trọng yếu:

Rủi ro cung vượt cầu

Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường phân bón trong những năm qua sau khi Việt Nam tham gia hàng loạt Hiệp định tự do thương mại và chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng mạnh đến hoạt động kinh doanh của PVFCCo. Trước những thách thức này, PVFCCo đã tập trung kiện toàn và điều chỉnh hệ thống phân phối trong nước, tăng cường chăm sóc khách hàng nhằm phát triển có chiều sâu để tạo mối liên kết bền vững giữa Công ty mẹ với Công ty thành viên và hệ thống đại lý bao phủ khắp các vùng miền trên cả nước, điều động hàng hóa về các khu vực tiêu thụ trọng điểm để chiếm lĩnh thị trường, duy trì lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, giữ vững thương hiệu. Đây là một kế hoạch mang tính chiến lược và dài hạn giúp Tổng công ty phát triển hệ thống bán hàng ổn định, vững chắc và mang tính lâu dài.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu đầu vào

Nguồn nguyên liệu chính là giá khí đã biến động tăng rất mạnh trong năm 2021, khi mà tình hình địa chính trị trên thế giới liên tục thay đổi đã tác động đến nguồn cung dầu cho các nước, đặc biệt những tháng cuối năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã dẫn kiểm soát, nhu cầu tiêu thụ dầu để phát triển kinh tế càng mạnh. Với đặc thù sản xuất và kinh doanh phân bón, giá thành sản phẩm chính của PVFCCo chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động của giá dầu trên thế giới, trong nhiều năm qua giá dầu thế giới biến động tăng/giảm không ổn định. Việc giá dầu tăng/giảm không ổn định, ngoài tầm kiểm soát có ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của PVFCCo.

Lợi nhuận của PVFCCo phụ thuộc rất lớn vào biến động chi phí nguyên liệu đầu vào để sản xuất phân bón. Để ứng xử với rủi ro về giá dầu, giá khí trong việc hoạch định và thực hiện các mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn, PVFCCo đã linh hoạt lập dự báo kế hoạch sản xuất kinh doanh trên nền các kịch bản về giá dầu, giá khí để kiểm soát sự thay đổi trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều biến động. Đồng thời, PVFCCo đã đàm phán với nhà cung cấp để có lộ trình giá khí phù hợp để sản xuất.



Rủi ro về giá bán giảm

Từ khi gia nhập các Hiệp định tự do thương mại, bất kỳ một sự thay đổi nào về giá phân bón thế giới cũng sẽ tác động ngay đến giá phân bón trên thị trường nội địa vì luôn phải cạnh tranh quyết liệt với phân bón nhập khẩu nước ngoài và nguồn hàng nhập khẩu tiểu ngạch các nước lân cận.

Trước áp lực này, PVFCCo là nhà sản xuất và kinh doanh phân bón luôn phải cân bằng giữa rủi ro và cơ hội để quyết định bán sản phẩm ở mức giá hợp lý sát với giá thị trường tại các thời điểm nhằm giữ vững thị phần và duy trì lợi thế cạnh tranh.

Rủi ro về tính thanh khoản của khách hàng

Rủi ro về tính thanh khoản xảy ra khi khách hàng không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất kinh doanh của PVFCCo.

Nhận thức rủi ro nêu trên, PVFCCo không ngừng đề ra chính sách bán hàng và chính sách tín dụng thương mại linh hoạt phù hợp với thị trường và được triển khai thực hiện, kiểm soát và quản trị có hệ thống từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên, hạn mức tín dụng trong hoạt động bán hàng được xây dựng riêng cho từng nhóm sản phẩm, từng khách hàng trên cơ sở đánh giá năng lực tài chính, mức độ tín nhiệm và khả năng hợp tác của từng khách hàng, đại lý. Tại PVFCCo, kế hoạch vốn lưu động nói chung và định mức hàng tồn kho, công nợ nói riêng được phê duyệt và kiểm soát chặt chẽ và báo cáo một cách kịp thời, đầy đủ trong suốt quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh. Với nhận thức đúng đắn và quản trị hiệu quả trong năm 2021, PVFCCo không xảy ra tranh chấp nợ xấu trong bất kỳ các giao dịch thương mại nào.

Rủi ro trong việc phát triển sản phẩm mới

Nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường về sản phẩm phân bón chất lượng cao và bảo vệ môi trường của bà con nông dân ngày càng đa dạng và khắt khe, PVFCCo đã không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo, cải tiến sản phẩm, tạo ra nhiều sản phẩm khác biệt, chất lượng vượt trội để đáp ứng thị hiếu của nông dân cũng như dẫn dắt thị trường vào các sản phẩm chất lượng cao.

Riêng đối với sản phẩm phân bón NPK sản xuất với công nghệ sản xuất hóa học hiện đại nhất hiện nay, đồng thời trong năm qua PVFCCo đã liên tục thay đổi công thức sản phẩm triển khai được thị trường đón nhận tích cực và tiêu thụ với sản lượng ngày càng tăng.

Thực hiện các giải pháp linh hoạt, đồng bộ để ứng phó ảnh hưởng từ nhóm các rủi ro thị trường, đảm bảo triển khai kế hoạch quản trị rủi ro năm 2021 kịp thời và hiệu quả:

- ▶ Tập trung quản trị, hoàn thiện hệ thống phân phối, thực hiện phát triển chiến lược truyền thông, quản trị thương hiệu để thúc đẩy, hỗ trợ công tác bán hàng nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh và khả năng sinh lời phù hợp, khẳng định vị thế thương hiệu phân bón Phú Mỹ trên thị trường nội địa.
- ▶ Tổ chức hệ thống kênh thông tin thông suốt từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên và hệ thống Đại lý để nắm bắt thông tin thị trường nhanh và chính xác, có khả năng ứng phó linh hoạt với diễn biến thị trường từng khu vực, từng thời điểm.
- ▶ Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về công tác kinh doanh, thương hiệu, hội thảo về công tác thông tin thị trường góp phần quan trọng trong hoạt động quảng bá sản phẩm, hình ảnh của PVFCCo, tìm kiếm cơ hội hợp tác ở thị trường trong và ngoài nước, góp phần hoàn thiện các phương án, chiến lược kinh doanh.
- ▶ Hoàn thiện danh mục sản phẩm theo yêu cầu của thị trường với thương hiệu Phú Mỹ thông qua việc nhập khẩu các loại phân bón chất lượng cao.
- ▶ Ban hành sửa đổi một số chính sách quan trọng phù hợp với tình hình kinh doanh mới: Quy chế Quản lý hoạt động kinh doanh phân bón; Quy chế xây dựng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm phân bón của PVFCCo; Quy trình thực hiện công tác truyền thông và thiết kế sáng tạo; Quy trình xúc tiến thương mại và hỗ trợ bán sản phẩm phân bón; Quy trình thực hiện chương trình chăm sóc khách hàng,... để tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh phân bón, hóa chất trong toàn Tổng công ty, đáp ứng diễn biến thị trường trong giai đoạn mới.
- ▶ Xác định công tác tái cấu trúc là một nhiệm vụ quan trọng nên PVFCCo đã nỗ lực triển khai nhằm tận dụng, phát huy thế mạnh và sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất nhằm tăng năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Ngoài các giải pháp ứng phó rủi ro thị trường được triển khai thường xuyên theo từng giai đoạn, PVFCCo còn xây dựng một chiến lược phát triển thị trường mang tính lâu dài:

- ▶ Duy trì vị thế của PVFCCo là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón dẫn đầu trong nước; phát triển lĩnh vực sản xuất hóa chất, tập trung vào lĩnh vực hóa dầu.
- ▶ Giữ vững thị phần sản phẩm urê Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ thông qua các giải pháp về việc tiếp tục quản lý hệ thống kênh phân phối, công tác hỗ trợ kỹ thuật, chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng đồng thời phát triển xây dựng hệ thống phân phối tại các nước có tiềm năng.
- ▶ Đã và sẽ thực hiện một số đề tài trong kế hoạch nghiên cứu và phát triển như: Vận hành, sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới trên dây chuyền Urê Pilot - công nghệ thùng quay gia tốc; Tiếp tục kế hoạch hóa chiến lược nhằm đa dạng hóa sản phẩm trên nền tảng urê Phú Mỹ, nghiên cứu dây công thức các sản phẩm NPK từ Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hoá học, phát triển các sản phẩm phân bón chức năng và ứng dụng các mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị nông nghiệp phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh của PVFCCo. Ngoài ra, tiếp tục nghiên cứu, đa dạng hoá sản phẩm hoá chất từ Xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde.
- ▶ Triển khai các chính sách nhằm đảm bảo gìn giữ hình ảnh và thương hiệu của PVFCCo trong cộng đồng nhà đầu tư.
- ▶ Tăng cường các giải pháp quản trị tích hợp với các hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược, thúc đẩy kiểm soát tự động so với kiểm soát thủ công, tối ưu hóa công nghệ để quản lý rủi ro hiệu quả.



RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA PVFCCo

Năm 2021, PVFCCo đã vận hành an toàn Nhà máy sau khi dừng máy nhằm bảo dưỡng tổng thể. Tuy nhiên do Nhà máy đã vận hành liên tục 18 năm nên vẫn tiềm ẩn rủi ro, vì vậy trong những năm tiếp theo các hoạt động quản trị rủi ro sẽ tập trung vào:

- Quản lý chất lượng sản phẩm;
- Quản lý và xử lý sự cố trong sản xuất;
- Hoàn thành quyết toán vốn dự án NH₃-NPK;
- Nâng cao ứng dụng trong cải tiến công nghệ và phát huy sáng kiến.

Trong những năm qua Nhà máy đạm Phú Mỹ đã duy trì hoạt động an toàn - hiệu quả, song song đó thời gian vận hành Nhà máy đã trên 18 năm với việc phải thực hiện bảo dưỡng tổng thể định kỳ 2 năm/1 lần nhưng cũng không tránh khỏi nguy cơ tiềm ẩn từ sự cố kỹ thuật dẫn đến ngừng máy làm phát sinh tăng chi phí vận hành, bảo dưỡng và ảnh hưởng đến các mục tiêu chung của PVFCCo.

Tổ hợp dự án NH₃-NPK đã được nghiệm thu và đưa vào vận hành thương mại, thời gian tới tiếp tục xử lý các điểm tồn đọng và thực hiện công tác quyết toán vốn đối với Tổ hợp dự án NH₃-NPK.

Trong năm 2021 và những năm tới PVFCCo đã nhận diện, xử lý thông qua giải pháp:

- Tiếp tục duy trì phương thức vận hành sản xuất sản lượng tối đa sản phẩm urê của Nhà máy đạm Phú Mỹ và Nhà máy NPK cùng với vận hành ổn định Nhà máy sản xuất UFC85/Formaldehyde nhằm cải thiện độ cứng của hạt urê, nâng cao chất lượng sản phẩm của chính PVFCCo và khách hàng - các Nhà máy sản xuất urê.
- Theo dõi hiệu chỉnh và ban hành các Bộ định mức kinh tế kỹ thuật gồm: Định mức tiêu hao hóa chất, vật tư, năng lượng; Định mức tiêu hao xăng dầu mỡ nhớt; Định mức vật tư dự phòng tối thiểu; Định mức vật tư phụ tùng bảo dưỡng định kỳ nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất.
- Chú trọng đến việc cập nhật và xây dựng ban hành các phương án kỹ thuật theo tình hình thực tế để kịp thời đối phó với các sự cố bất thường trong sản xuất.
- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa, mua sắm vật tư dự phòng đối với thiết bị quan trọng và rủi ro cao trong Nhà máy, đặc biệt đối với các thiết bị tinh quan trọng. Ngoài ra, hàng năm duy trì tham gia hội thảo công tác bảo dưỡng sửa chữa đối với các Nhà máy khâu chế biến dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và đề ra định hướng, hoạch định chiến lược quản trị đối với công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo xu thế máy móc tuổi càng cao.
- Tối ưu việc áp dụng các hệ thống phần mềm hiện hữu như: Hệ thống CMMS - Computerized Maintenance Management System: các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa của Nhà máy đã được thực hiện thông qua hệ thống CMMS: từ yêu cầu công việc, lập kế hoạch thực hiện, xuất vật tư cho bảo dưỡng, lưu hồ sơ kết quả bảo dưỡng, kiểm soát tồn kho; hệ thống quản lý sản xuất OPM của Oracle - Oracle Process Manufacturing, ... cụ thể:
 - » Quản lý công tác bảo dưỡng/sửa chữa thiết bị; Lưu trữ hồ sơ toàn bộ lý lịch máy móc thiết bị.
 - » Đồng thời cập nhật hồ sơ dịch vụ vào danh mục thiết bị của dự án mới (Tổ hợp dự án NH₃-NPK) vào hệ thống CMMS.
 - » Quản lý tồn kho, cập nhật danh mục vật tư tối thiểu theo định mức vào hệ thống CMMS; So sánh định mức vật tư bảo dưỡng và vật tư thực tế cấp phát. Tự động xuất danh mục vật tư, phụ tùng theo yêu cầu của công việc bảo dưỡng.
 - » Triển khai phân tích MTA (Maintenance Task Analysis) và sử dụng chức năng MTA để triển khai phân tích PMO (Preventive Maintenance Optimization).
- Bên cạnh đó, khai thác áp dụng phần mềm AIMS-Asset Integrity Management System, SYSTEM 1 và triển khai thực hiện RBI giai đoạn 2 (Risk Base Inspection) trong quản lý công tác bảo dưỡng, đánh giá tình trạng thiết bị và thu thập dữ liệu để phân tích tìm nguyên nhân hư hỏng của máy móc thiết bị. Đồng thời thực hiện kiểm tra CUI - Corrosion under Insulation (kiểm tra ăn mòn dưới lớp bảo ôn).
- Tổ chức và kiểm soát công tác giám định, kiểm định máy móc, thiết bị có yêu cầu về an toàn trong Nhà máy. Đảm bảo các thiết bị được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng.
- Tiếp tục triển khai và áp dụng hệ thống phần mềm chuẩn hóa mã vật tư của PVFCCo theo tiêu chuẩn Shell Mesc.





Tiếp nối thành công trong quản trị sản xuất năm 2021 cũng như các năm tới, PVFCCo duy trì và sẽ triển khai có hiệu quả chiến lược đầu tư trọng điểm vào hệ thống quản trị sản xuất của Nhà máy, nhằm vào hiệu quả đòn bẩy để tối ưu hoá chi phí sản xuất và vận hành:

- ▶ Áp dụng có hiệu quả các hệ thống tiêu chuẩn quản lý về an toàn và môi trường như ISO 14001-2004 và OSHAS 18001-2007. Tổ chức nhận diện, đánh giá rủi ro, đề ra các biện pháp an toàn bổ sung để giảm thiểu rủi ro, tuyên truyền đến CBCNV và Nhà thầu.
- ▶ Chú trọng đào tạo đội ngũ lao động hiện hữu để vận hành Nhà máy NPK đáp ứng yêu cầu sản xuất dài hạn của Tổng công ty.
- ▶ Rà soát lại các bộ định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, xây dựng định mức cho Nhà máy NPK và tích hợp với các bộ định mức hiện có của Nhà máy đạm Phú Mỹ để có bộ định mức dùng chung cho các Nhà máy của Tổng công ty.
- ▶ Nâng cao vai trò về cải tiến, sáng kiến và hợp lý hóa sản xuất, chế độ bảo dưỡng tiếp cận theo hướng dự phòng nhằm mang tính ngăn ngừa hư hỏng đột xuất thiết bị máy móc.
- ▶ Tiếp tục nghiên cứu chiến lược Bảo dưỡng để đạt mức tối ưu và phù hợp với thực tế Nhà máy đạm Phú Mỹ, duy trì việc lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ (trung hạn, ngắn hạn và dài hạn) đặc biệt quan tâm đến các thiết bị tính quan trọng đã vận hành hơn 15 năm qua nhằm ngăn ngừa sự cố và đảm bảo Nhà máy đạm Phú Mỹ vận hành liên tục an toàn, ổn định và hiệu quả.
- ▶ Rà soát, cập nhật bảng nhận diện rủi ro và khía cạnh môi trường của Nhà máy theo quy trình.
- ▶ Cập nhật để án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy đạm Phú Mỹ cùng với các Nhà máy mới đưa vào vận hành thương mại của PVFCCo.

RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Năm 2021, PVFCCo đã tập trung nguồn lực triển khai xử lý hầu hết các điểm còn tồn đọng của Tổ hợp dự án Nâng công suất xưởng NH_3 và Nhà máy sản xuất Phân bón NPK công nghệ hóa học nhằm đạt được chiến lược dài hạn của PVFCCo.

Bên cạnh đó, PVFCCo cũng đang tập trung lập dự án đầu tư mới để đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Trong những năm qua tỷ giá ngoại tệ biến động theo xu hướng tăng, do vậy những biến động về tỷ giá có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt kinh doanh cũng như hiệu quả của dự án đầu tư có sử dụng ngoại tệ của PVFCCo. Với việc nhận thức được tầm quan trọng trong quản trị rủi ro về tỷ giá, PVFCCo đã thường xuyên theo dõi cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính thế giới và trong nước, theo dõi sát sao những biến động của tỷ giá để xây dựng và triển khai các phương án nhập khẩu kinh doanh phù hợp và linh hoạt, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó, công tác quản trị tài chính, phân tích, đánh giá yếu tố chênh lệch tỷ giá đến hiệu quả của các dự án đang triển khai cũng được PVFCCo xem xét cẩn trọng.

RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH VÀ MỤC TIÊU TÁI CẤU TRÚC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Trong năm 2021, PVFCCo đã thành lập các tổ công tác để từng bước tìm các giải pháp thoái vốn đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết. Mục tiêu của PVFCCo là thoái vốn tại các doanh nghiệp này, nhưng rất khó khăn trong việc tái cấu trúc hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn trong bối cảnh hoạt động không hiệu quả các công ty liên kết hiện nay. Nhằm hỗ trợ các đơn vị nâng cao dần hiệu quả hoạt động, PVFCCo đã tăng cường giám sát hoạt động quản trị công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn, đồng thời triển khai một số hoạt động để hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động quản trị điều hành doanh nghiệp.



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, LUẬT ĐỊNH

Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng đến hầu hết các vùng của nước ta, có vùng chịu nặng nề bởi các cơn bão, lũ quét và các cơn mưa lớn kéo dài, có vùng thì bị khô hạn kéo dài, có vùng bị nước mặn xâm nhập,... đã ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp và cây trồng. Trong tương lai, hiện tượng này được dự báo diễn biến khó lường và tác động nghiêm trọng hơn nữa, gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành phân bón nói chung và PVFCCo nói riêng.

Việt Nam phải mở cửa thị trường phân bón trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp nước ngoài sẽ đầu tư sản xuất kinh doanh phân bón có thể thay thế một phần urê. Những doanh nghiệp nước ngoài với kinh nghiệm, năng lực quản lý kinh doanh tốt sẽ trở thành những đối thủ mạnh tại Việt Nam.

Phân bón giả, kém chất lượng chưa được quản lý chặt chẽ dẫn đến thiệt thòi cho những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nghiêm túc như PVFCCo.

Chính sách thuế của Việt Nam hiện nay đang còn trong giai đoạn kiện toàn nên liên tục có những thay đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến ngành phân bón, vì vậy, các rủi ro về áp dụng chính sách thuế, thay đổi về thuế suất đối với mặt hàng phân bón có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động của PVFCCo, việc chuyển mặt hàng phân bón từ diện áp dụng thuế suất GTGT 5% sang đối tượng không chịu thuế GTGT dẫn đến toàn bộ thuế GTGT đầu vào phục vụ cho sản xuất kinh doanh phân bón sẽ không được khấu trừ và phải hạch toán vào chi phí làm cho lợi nhuận sụt giảm đáng kể, ngoài ra khi triển khai hợp đồng EPC dự án sản xuất phân bón NPK thì luật thuế thay đổi cũng có ảnh hưởng đến tính hiệu quả đầu tư của dự án.

Với mục tiêu phát triển PVFCCo một cách bền vững, công tác quản trị rủi ro luôn là mối quan tâm hàng đầu tại PVFCCo, chính vì vậy, PVFCCo không ngừng xây dựng, triển khai và cập nhật có hệ thống các giải pháp quản trị rủi ro cùng với việc quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tiên tiến nhằm phát huy vai trò và cải tiến năng lực của chức năng Kiểm toán nội bộ - một chức năng quan trọng trong hoạt động quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp, tham vấn cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong việc điều hành, quản trị và giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách kịp thời. Trong năm 2021, Ban Kiểm toán nội bộ đã tiếp tục triển khai các nhiệm vụ:

- Thực hiện kiểm toán định kỳ có kết hợp các chuyên gia/chuyên viên nội bộ thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác nhau kiểm tra tổng thể các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Chi nhánh và Công ty thành viên với chương trình kiểm toán được xây dựng dựa trên các nhóm rủi ro tại PVFCCo.
- Thực hiện kiểm toán theo chuyên đề dựa trên những rủi ro hoạt động được dự báo, nhận diện và đánh giá có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của PVFCCo.
- Ngoài ra, Bộ phận kiểm toán nội bộ (KTNB) đã phối hợp với tổ chức tư vấn đào tạo hoàn thành việc xây dựng hệ thống báo cáo quản trị tại PVFCCo theo các thông lệ tiên tiến, nâng cao năng lực và kỹ năng kiểm toán. Theo đó, bộ phận kiểm toán nội bộ PVFCCo tiếp tục triển khai kế hoạch đã được xây dựng bằng việc phối hợp với các Tổ chức tư vấn

quốc tế triển khai phạm vi công việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện khung quản trị doanh nghiệp mà giai đoạn trước mắt là rà soát và cập nhật danh mục rủi ro, xây dựng ma trận tuân thủ và tối ưu hoá quy trình tác nghiệp.

- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thường niên, Bộ phận KTNB PVFCCo không ngừng bổ sung, hoàn thiện Danh mục các điểm kiểm soát trọng yếu và đánh giá hiệu quả kiểm soát nhằm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ vận hành một cách hữu hiệu và hiệu quả. Ngoài ra, các kết quả KTNB được đưa vào nội dung các phiên họp thường kỳ của HĐQT để tăng cường công tác quản trị tại PVFCCo.
- Tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc hạn chế, ngăn ngừa các rủi ro thông qua việc báo cáo, thẩm tra, thẩm định các báo cáo do Ban điều hành đệ trình thuộc thẩm quyền xử lý và quyết định của HĐQT.

Tại PVFCCo không chỉ chú trọng đến công tác quản trị rủi ro có mục tiêu mà còn tập trung các nguồn lực khác để không ngừng triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp nói chung:

- Triển khai tích hợp Quản trị rủi ro vào các quy trình quản trị, đặc biệt chú trọng đến công tác dự báo và lập kế hoạch kinh doanh; hệ thống quản trị nguồn lực tổng thể của doanh nghiệp không ngừng được cải tiến và nâng cao, trên cơ sở đã triển khai thành công hệ thống quản lý tổng thể nguồn lực doanh nghiệp - ERP giai đoạn 1, vận hành hệ thống ERP giai đoạn 2 với Phân hệ lập kế hoạch và dự báo - HPM (Hyperion Planning Management), Phân hệ quản lý sản xuất - OPM đã được cải tiến sau quá trình vận hành (Oracle Processing Manufacturing) và tiếp theo là giai đoạn 3 với Phân hệ báo cáo thông minh BI (Business Intelligence), tiến đến tối đa hóa kiểm soát tự động và kiểm soát trực tiếp trên hệ thống, góp phần nâng cao năng lực quản trị tại PVFCCo.
- Hoàn thành và tiếp tục hoàn thiện, tối ưu hoá trong việc vận hành Dự án cải cách chính sách tiền lương tạo bước đột phá trong phân phối thu nhập để tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc mà cụ thể là: Sửa đổi chính sách nhân viên; Sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng và quỹ phúc lợi của Tổng công ty; Xây dựng khung năng lực các vị trí chức danh và hệ thống đánh giá KPIs giúp Ban

lãnh đạo đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh bộ phận và mục tiêu tổng thể của PVFCCo.

- Nhận thức được tầm quan trọng trong việc chuyển đổi số, trong năm 2021 khi mà dịch Covid-19 bùng phát trên cả nước, PVFCCo đã nhanh chóng triển khai ứng dụng văn phòng số, số hóa văn bản đến toàn thể các bộ phận và các Công ty vùng miền, triển khai điều hành hoạt động trực tuyến thông qua các ứng dụng công nghệ, ứng dụng các phần mềm số hóa vào vận hành để giảm sức người, tối ưu chi phí.
- Bên cạnh đó, PVFCCo cũng từng bước triển khai thuê tư vấn đào tạo chuyển đổi số cho các cán bộ nhằm thay đổi tư duy vận hành của người quản lý. Chuyển đổi số giúp tiết kiệm chi phí vận hành, giúp doanh nghiệp có các nguồn tiền để đầu tư cho các kế hoạch phát triển. Nhờ các mô hình quản lý bằng các ứng dụng công nghệ giúp người bán tới gần và nâng cao được trải nghiệm khách hàng. Điều này sẽ làm tăng tính cạnh tranh cho PVFCCo để đưa ra được các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Với quan điểm “Phát triển bền vững, hiệu quả và nhân văn” cùng với việc không ngừng đẩy mạnh công tác quản trị theo các thông lệ tiên tiến, Ban lãnh đạo PVFCCo quyết tâm hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp - ERM (Enterprise Risk Management), hướng đến tính chiến lược để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục duy trì vị thế, thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực phân bón và hoá chất của PVFCCo trong cộng đồng các nhà đầu tư.

PHỤNG SỰ

để dẫn đầu

Là doanh nghiệp phân bón, hóa chất đầu tiên hàng đầu trong nước, PVFCCo đã và đang sát cánh phụng sự bà con nông dân để mang về những mùa vàng bội thu, góp phần tích cực thay đổi diện mạo nông thôn Việt Nam.

Chương 5.

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc Tổng công ty là người cao nhất chịu trách nhiệm triển khai các chính sách, vấn đề về môi trường trong Tổng công ty

“
V
ới niềm tự hào về lịch sử phát triển và kinh nghiệm tích lũy, cùng sự đồng hành và sự tin cậy của cổ đông, khách hàng vào những giá trị và giải pháp đóng góp cho sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp trong gần 20 năm qua, tập thể PVFCCo hoàn toàn tin tưởng vào tương lai tươi sáng và bền vững hơn cho giai đoạn tới với tinh thần “muốn đi xa, hãy đi cùng nhau”!



Kính gửi Quý cổ đông, đối tác cùng toàn thể cán bộ nhân viên PVFCCo,

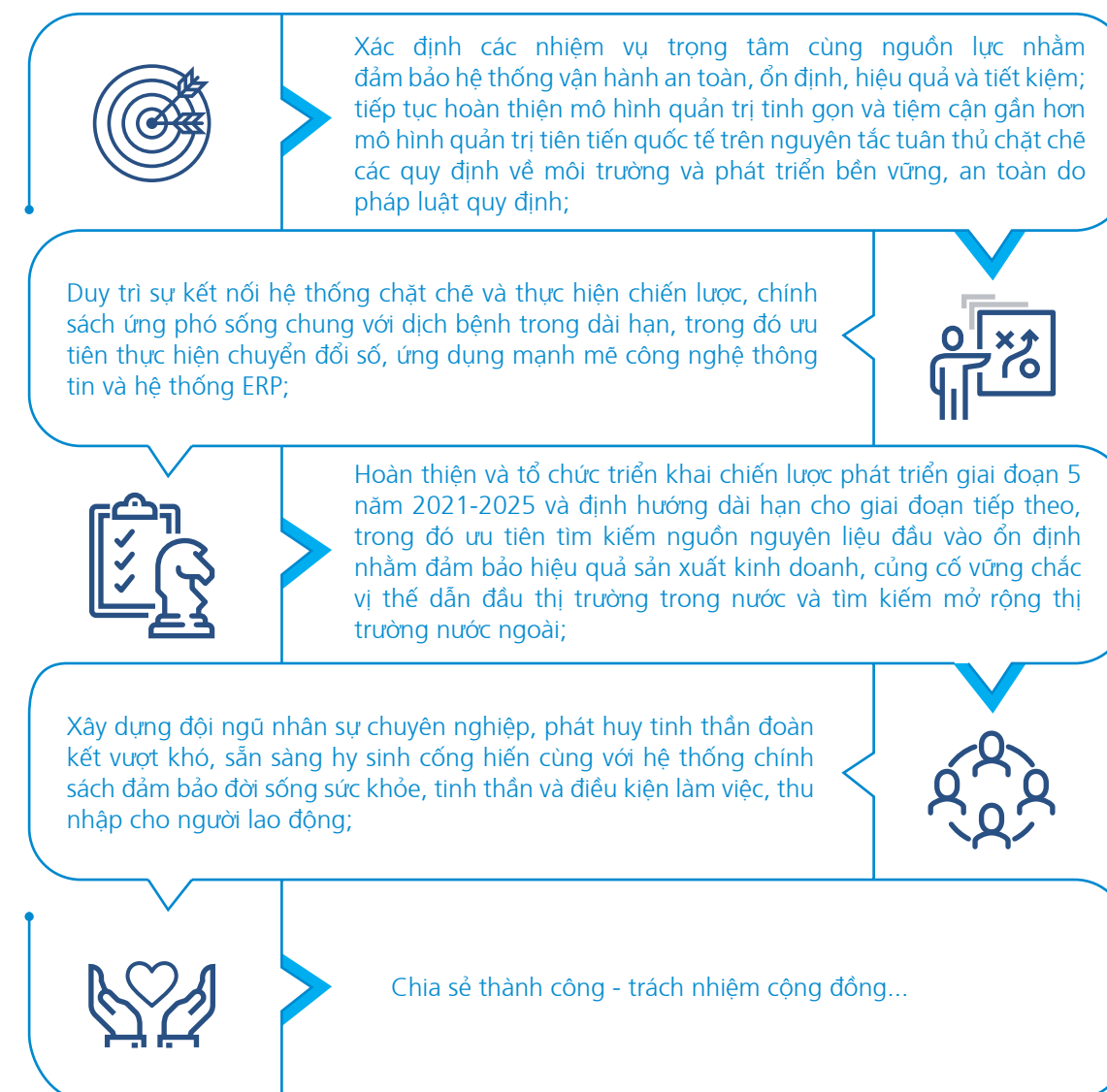
Năm 2021, nền kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh kéo theo những bất ổn từ thị trường hàng hóa, năng lượng nhưng cũng chứng kiến những nỗ lực phục hồi và sự thích nghi, cải cách thể chế và môi trường kinh doanh nhằm thích ứng với những biến động thị trường trong dài hạn.

Đối với PVFCCo, tập thể lãnh đạo và nhân viên đã sớm nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn và trên hết là cơ hội cần nắm bắt để bứt phá khi thị trường diễn biến thuận lợi, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu trọng yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn lại những thành quả công ty đã đạt được trong năm đầy khó khăn thách thức vừa qua, chúng ta chắc hẳn ai cũng nhận thức đại dịch Covid-19 đã tác động sâu sắc ra sao tới mọi hoạt động trong đời sống hàng ngày và trên hết là tầm quan trọng của sự kết nối, tinh thần trách nhiệm và sự chia sẻ để cùng vượt qua mọi thách thức, cùng hướng tới mục tiêu chung.

Tập thể PVFCCo đã cùng nhau nỗ lực vượt bậc, có một năm 2021 hoạt động nhiều khởi sắc với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh tăng trưởng ấn tượng, với quy mô vốn hóa tăng trưởng mạnh, đem lại những lợi ích quan trọng cho cổ đông, đối tác và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của ngành đầu khí và nền nông nghiệp nói chung. Nhưng, chúng ta cũng nhận thức được rằng, đây chỉ là thành quả khởi đầu và sẽ không bền vững nếu các yếu tố nền tảng cho sự phát triển lâu dài không tiếp tục được củng cố, bồi đắp. Trong đó, các mục tiêu tăng trưởng chỉ bền vững khi được kết nối chặt chẽ và đặt trong tổng thể hài hòa lợi ích của các bên liên quan, từ các cấp nhân sự trong hệ thống, các đối tác và khách hàng, các cổ đông hiện hữu và tiềm năng, sự chia sẻ trách nhiệm xã hội và cộng đồng...

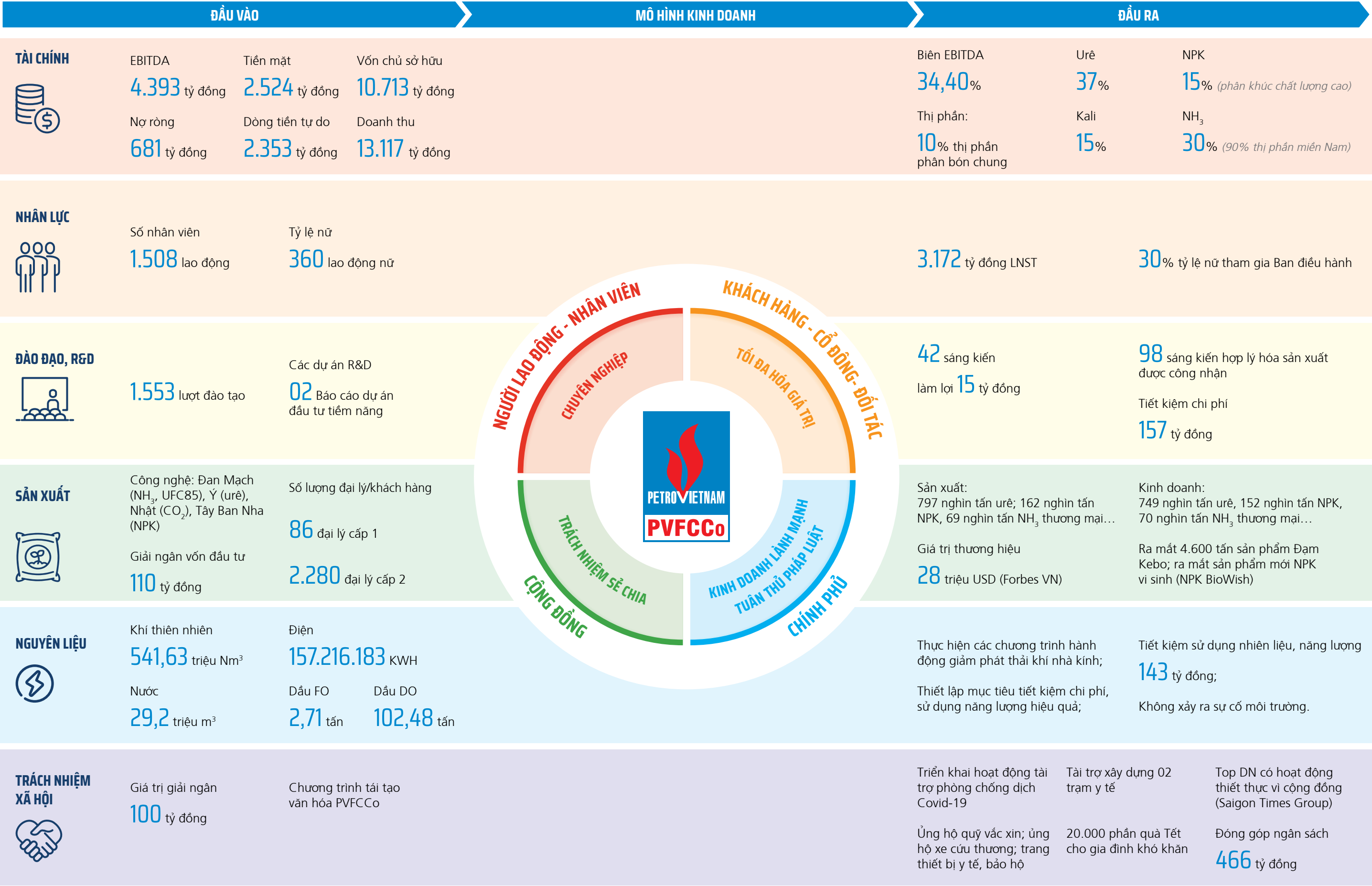
Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên PVFCCo tiếp tục cam kết triển khai các chính sách và chương trình hành động nhằm tiếp tục khắc phục khó khăn, thích ứng với bối cảnh mới, nắm bắt kịp thời cơ hội để tăng tốc, bứt phá trên các lĩnh vực, cụ thể:



Với niềm tự hào về lịch sử phát triển và kinh nghiệm tích lũy, cùng sự đồng hành và sự tin cậy của cổ đông, khách hàng vào những giá trị và giải pháp đóng góp cho sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp trong gần 20 năm qua, tập thể PVFCCo hoàn toàn tin tưởng vào tương lai tươi sáng và bền vững hơn cho giai đoạn tới với tinh thần “muốn đi xa, hãy đi cùng nhau”!

**Tổng giám đốc
LÊ CỤ TÂN**

MÔ HÌNH KINH DOANH TẠO GIÁ TRỊ DỰA TRÊN CÁC NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CÁC MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo

“

Trong chặng đường phát triển gần 20 năm qua, triết lý kinh doanh “phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội” đã được các thế hệ người lao động Tổng công ty gìn giữ và phát triển như một tài sản, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp.



Tổng công ty là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và hóa chất, gắn liền với nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam (khu vực chiếm đến gần 70% dân số cả nước). Trong chiến lược phát triển của mình, Tổng công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững là quan điểm, nguyên tắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong chặng đường phát triển gần 20 năm qua, triết lý kinh doanh “phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội” đã được các thế hệ người lao động Tổng công ty gìn giữ và phát triển như một tài sản, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Tổng công ty luôn đảm bảo cân bằng và tối ưu việc thực hiện đồng thời các mục tiêu:



Phát triển có hiệu quả về kinh tế



Phát triển hài hòa các mặt xã hội; nâng cao mức sống, nhận thức của dân cư, trong đó đặc biệt chú trọng đến khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn



Cải thiện môi trường sống, bảo đảm phát triển lâu dài vững chắc cho thế hệ hôm nay và mai sau

Tổng công ty đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai các hành động để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, góp phần chung tay cùng xã hội thực hiện thành công định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Những nguyên tắc và hoạt động cụ thể trong thời gian qua Tổng công ty đã triển khai là:

Đối với khách hàng

Cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, giải pháp sử dụng hiệu quả, và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- ▶ Chất lượng sản phẩm tốt là yếu tố luôn được PVFCCo đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Các sản phẩm phân bón Phú Mỹ và các sản phẩm phân bón, hóa chất tự doanh khác mà Tổng công ty cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đăng ký.
- ▶ Nhằm giúp nhà nông sử dụng ít phân bón hơn nhưng vẫn tăng năng suất cây trồng, PVFCCo đã cùng với chính quyền địa phương và các nhà khoa học thường xuyên tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, tổ chức các vườn thực nghiệm, thửa ruộng mẫu.



- ▶ Tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống kho cảng, logistic trên cả nước nhằm cung cấp sản phẩm đến tay bà con nông dân đảm bảo chất lượng, kịp thời và giá cả hợp lý.
- ▶ Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 để đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định theo tiêu chuẩn công bố.

Đối với nhân viên

Xây dựng văn hóa PVFCCo "Chuyên nghiệp - Hiệu quả; Năng động - Sáng tạo; Khát vọng - Vươn xa; và Trách nhiệm - Sẻ chia" thông qua việc tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng chính sách nhân viên phù hợp, đồng thời cũng là nơi mà nhân viên được xã hội tôn trọng thông qua đào tạo và đổi mới. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- ▶ Đầu tư hệ thống nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo tốt điều kiện làm việc cho người lao động.
- ▶ Hoàn thiện và triển khai áp dụng dự án KPI và cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn cập nhật, cải tiến hệ thống chính sách nhân viên nhằm đáp ứng một cách tốt nhất điều kiện làm việc, chế độ chính sách, và cơ hội thăng tiến cho người lao động.
- ▶ Thực hiện kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho công ty mẹ năm 2021 như sau: 1.553 lượt đào tạo trọng nước và 1.724 lượt đào tạo nội bộ với tổng chi phí đào tạo là 2,1 tỷ đồng, bình quân hơn 660 ngàn đồng/người/năm.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1.553 lượt đào tạo trọng nước

1.724 lượt đào tạo nội bộ

2,1 tỷ đồng tổng chi phí đào tạo

- ▶ Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp: Ban hành Sổ tay Văn hóa PVFCCo từ năm 2011, với các hệ giá trị PVFCCo cùng các chuẩn mực ứng xử và các quy định cụ thể về chuẩn mực ứng xử áp dụng với toàn thể cán bộ nhân viên trong Tổng công ty. Nội dung của Sổ tay văn hóa PVFCCo được phổ biến tới toàn thể cán bộ nhân viên và được đăng tải trên website của Tổng công ty.
- ▶ Đảm bảo bố trí việc làm và thu nhập người lao động ổn định. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty và thỏa ước lao động tập thể. Việc chi trả lương thực hiện đầy đủ theo đúng quy chế trả lương của Tổng công ty.

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CÁC MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo (tiếp theo)



Đối với cổ đông

Tổng công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được trong năm 2021 như sau:

- Thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, đặc biệt lợi nhuận trước thuế: 3.799 tỷ đồng đạt 169% KH năm 2021, tăng 348% so với năm 2020. Đây là mức lợi nhuận kỷ lục kể từ khi Tổng công ty đi vào hoạt động đến nay.
- Nhằm quản lý, phân bổ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, Tổng công ty triển khai áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm hỗ trợ, chương trình quản lý tiên tiến trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp, như quản lý hệ thống văn bản điện tử, xây dựng và áp dụng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP, STOP, 5S, APC, System 1, RBI, KPI...
- Hoạt động sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong năm 2021, có 42 sáng kiến cải tiến được công nhận với giá trị làm lợi là gần 15 tỷ đồng và 98 sáng kiến hợp lý hóa sản xuất được công nhận không lượng hóa được giá trị làm lợi.
- Hoạt động khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển tiếp tục được Tổng công ty quan tâm triển khai. Dù gặp nhiều khó khăn khách quan do ảnh hưởng của đại dịch và chế độ “3 tại chỗ” nhưng các đơn vị, nhóm tác giả đã nỗ lực thực hiện 10 đề tài/hạng mục về khoa học công nghệ, hoàn thành 02 Báo cáo cơ hội đầu tư cho các dự án tiềm năng, thử nghiệm thành công 01 dòng sản phẩm mới... Cuối năm 2021, Tổng công ty tiếp tục trích lập 20 tỷ đồng cho Quỹ Khoa học và Công nghệ, đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật, Tổng công ty cũng như nhu cầu triển khai công tác khoa học công nghệ, sáng kiến... trong thời gian tới.
- Triển khai thực hiện có hiệu quả về công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tiết giảm tối đa các chi phí về quản lý, giá thành sản phẩm. Tổng số tiết kiệm trong năm 2021 đạt 157 tỷ đồng đạt 330% KH năm, trong đó, tiết kiệm về nhiên liệu, năng lượng đạt ~ 143 tỷ đồng.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

3.799 tỷ đồng

đạt 169% kế hoạch năm 2021
tăng 348% so với năm 2020

TỔNG SỐ TIẾT KIỆM TRONG NĂM 2021

157 tỷ đồng

đạt 330% KH năm

Đối với Chính phủ

Tổng công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh và tuân thủ pháp luật. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

466 tỷ đồng
đạt 105% KH năm 2021



Đối với đối tác kinh doanh

Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, Tổng công ty luôn giữ nguyên tắc: Cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.

Đối với cộng đồng và xã hội

Tổng công ty luôn cam kết thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

- Bên cạnh việc phát triển hiệu quả, bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, Tổng công ty luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với người lao động và đối với xã hội thông qua nhiều hoạt động an sinh xã hội.
- Năm 2021, Tổng công ty đã thực hiện nhiều hạng mục công trình/chương trình (bao gồm bổ sung phát sinh) với số tiền gần 100 tỷ đồng.

Đối với môi trường và các vấn đề toàn cầu

Tổng công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu (giảm phát thải khí nhà kính, biến đổi khí hậu, nước biển dâng...).

“

Tổng công ty tin tưởng rằng, phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp. Với quan điểm và phương châm hành động này, Tổng công tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong chặng đường xây dựng và phát triển doanh nghiệp trường tồn, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được tới nay:

- Triển khai thực hiện các dự án/chương trình hành động giảm phát thải khí nhà kính.
- Xây dựng, ban hành và tuân thủ các Quy chế, Quy trình, Quy định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng công ty luôn duy trì áp dụng các chương trình quản lý an toàn công nghệ, chương trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo các nước tiên tiến trên thế giới nhằm giữ ổn định vận hành thiết bị công nghệ, giảm thiểu tiêu hao năng lượng, giảm phát thải khí CO₂ thải ra bên ngoài.
- Áp dụng và duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường - Năng lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 : 2015, ISO 45001:2018, ISO 14001 : 2015 và ISO 50001 : 2011.
- Đối với các Dự án mới, Tổng công ty chỉ sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO₂ phát thải.
- Trong năm 2021, Tổng công ty tiếp tục gắn kết/lồng ghép các quan điểm và mục tiêu về phát triển bền vững trong các lĩnh vực hoạt động.

“

Năm 2021 là một năm khó khăn cho công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường (ATSKMT) của Tổng công ty do dịch bệnh Covid-19 kéo dài. Bên cạnh đó, công tác ATSKMT còn có các khó khăn khác như máy móc, thiết bị của Nhà máy đạm Phú Mỹ đã vận hành trên 18 năm, xuất hiện nhiều rủi ro tiềm ẩn, Luật Môi trường 2020 đã có hiệu lực, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn đã ban hành sẽ đòi hỏi công tác quản lý môi trường phải rà soát chặt chẽ để kịp thời cập nhật/bổ sung nhằm tuân thủ yêu cầu.



Tuy nhiên, Tổng công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn để thực hiện kế hoạch, mục tiêu; Đề ra các giải pháp, chương trình hành động; Tăng cường tiết kiệm, tiết giảm chi phí để hoàn thành các nhiệm vụ của công tác ATSKMT năm 2021 cụ thể như sau:

Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý ATSKMT theo các tiêu chuẩn Quốc tế

- ▶ Tiếp tục duy trì áp dụng và đảm bảo nhiệm vụ/yêu cầu của Hệ thống quản lý ATSKMT theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018 trong bối cảnh khó khăn dịch bệnh Covid-19.
- ▶ Tất cả các Đơn vị trong Tổng công ty đều đã thiết lập và triển khai thực hiện các Mục tiêu ATSKMT trên cơ sở Chính sách ATSKMT, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế của đơn vị. Hàng quý, các kết quả thực hiện mục tiêu ATSKMT đều được xem xét và đánh giá mức độ hoàn thành, đưa ra biện pháp khắc phục đối với những mục tiêu chưa hoàn thành đúng tiến độ.
- ▶ Bộ máy quản lý công tác ATSKMT tại Tổng công ty và các Đơn vị thành viên vẫn được duy trì tốt và phát huy hiệu quả hoạt động trong năm 2021.

Công tác đảm bảo An toàn - An ninh, PCCC, Ứng cứu tình huống khẩn cấp (UCTHKC)

- ▶ Năm 2021 không để xảy ra tai nạn lao động nặng và sự cố cháy nổ nào gây thiệt hại về người và tài sản.
- ▶ Mặc dù gặp nhiều khó khăn do giãn cách xã hội và thực hiện phương án 3 tại chỗ, công tác diễn tập UCTHKC vẫn cố gắng duy trì. Tại Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành diễn tập các Phương án chữa cháy 1 quý/1 lần theo đúng yêu cầu pháp luật. Tại một số kho của Đơn vị thành viên cũng đã tổ chức diễn tập chữa cháy ngay sau thời gian hết giãn cách.
- ▶ Kiện toàn Hội đồng An toàn, Vệ sinh lao động (ATVSLĐ) cơ sở Tổng công ty và Quy định hoạt động của Hội đồng ATVSLĐ cơ sở Tổng công ty. Kiện toàn Ban chỉ đạo UCTHKC và Tổ giúp việc của Tổng công ty.
- ▶ Thực hiện báo cáo tình hình tai nạn lao động cấp cơ sở năm 2021 và Báo cáo công tác an toàn vệ sinh lao động năm 2021 cho Sở Lao động Thương binh Xã hội, Sở Y tế địa phương.
- ▶ Báo cáo hoạt động PCCC-CNCH cho Cảnh sát PCCC & CNCH TPHCM. Nhà máy đạm Phú Mỹ và các đơn vị thực hiện báo cáo PCCC-CNCH cho Phòng CS PCCC của địa phương 6 tháng và cả năm 2021 theo đúng quy định.
- ▶ Tổng công ty đã thực hiện báo cáo kiểm kê trang thiết bị cứu nạn tại thời điểm 0 giờ ngày 1/1/2021. Tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, công tác kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị AT-PCCC được thực hiện 100% đúng với kế hoạch đã lập. Còn tại các Đơn vị, hệ thống nước chữa cháy và các bình chữa cháy di động, xách tay đều được lập kế hoạch kiểm tra định kỳ và thực hiện thay thế, sửa chữa khi có hư hỏng.
- ▶ Thực hiện sửa chữa hệ thống PCCC tòa nhà 43 Mạc Đình Chi và tòa nhà 27 Đình Bộ Lĩnh theo thẩm duyệt.
- ▶ Thực hiện kiểm tra công tác PCCC 6 tháng đầu năm và quý 4/2021 theo kế hoạch tại các tòa nhà, kho công ty vùng miền.
- ▶ Tại Nhà máy đạm Phú Mỹ tiếp tục triển khai xây dựng Hệ thống quản lý an toàn công nghệ PSM và duy trì áp dụng các hệ thống quản lý về bảo dưỡng thiết bị khác như System 1, RBI, v.v.
- ▶ Việc thống kê, báo cáo và điều tra tai nạn sự cố năm 2021 được thực hiện đầy đủ. Tất cả các tai nạn sự cố tại Nhà máy đạm Phú Mỹ đều được phân tích nguyên nhân và đề ra biện pháp khắc phục.
- ▶ Công tác phổ biến Thông tin an toàn đến CBCNV: duy trì tốt công tác tuyên truyền/phổ biến thông tin An toàn trong bảng tin hàng ngày của Tổng công ty và của các Đơn vị.
- ▶ Ước tính chi phí cho hoạt động An toàn - PCCC - UCTHKC (bao gồm: phí Bảo hiểm rủi ro cháy nổ, diễn tập, huấn luyện, tuyên truyền, mua sắm và bảo trì các thiết bị an toàn PCCC...) năm 2021 là khoảng: 12 tỷ đồng.



ƯỚC TÍNH CHI PHÍ CHO
HOẠT ĐỘNG AN TOÀN - PCCC -
UCTHKC NĂM 2021 KHOẢNG

12 tỷ đồng



BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(tiếp theo)

Hoạt động chăm sóc sức khỏe người lao động, ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp và phòng chống dịch Covid-19

Năm 2021, hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người lao động nổi bật nhất là công tác Phòng chống dịch Covid-19. Tổng công ty đã tổ chức, triển khai đồng bộ nhiều biện pháp phòng dịch theo phương châm nghiêm túc thực hiện các quy định của Nhà nước, tăng cường các biện pháp phòng dịch để hoàn thành mục tiêu kép: Đảm bảo sức khỏe và Phòng bệnh tốt nhất cho CBCNV; Đồng thời duy trì hoạt động sản xuất -kinh doanh liên tục của Tổng công ty. Các kết quả đã đạt được trong công tác phòng chống dịch Covid-19 như sau:

- Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch của Tổng công ty.
- Cập nhật và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo các Quy định, khuyến cáo và hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Y tế, Cơ quan chức năng về công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.
- Tổ chức đánh giá, phân loại nguy cơ rủi ro, mức độ ảnh hưởng của việc kiểm soát dịch đối với từng khu vực sản xuất để tổ chức các phương thức, hình thức làm việc của CBCNV phù hợp phương châm thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả, từng bước trở lại trạng thái hoạt động bình thường mới và đảm bảo an toàn, liên tục hoạt động vận hành sản xuất của Nhà máy nhằm thực hiện thành công các nhiệm vụ chỉ tiêu sản xuất.
- Tổng công ty đã kịp thời ban hành và triển khai các phương án Phòng chống dịch, rà soát và chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị cần thiết để thực hiện phòng dịch cho toàn Tổng công ty theo đúng quy định, khuyến cáo và hướng dẫn của Chính phủ tại các địa phương.



Ngoài hoạt động Phòng chống dịch Covid-19, Tổng công ty vẫn cố gắng duy trì các công tác chăm sóc sức khỏe người lao động như:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng yêu cầu của luật định.
- Tiếp tục áp dụng chương trình bảo hiểm PVI Care cho người lao động nhằm có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện.

NĂNG LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ

157.261.183 KWH

TỔNG LƯỢNG DẦU FO

2,71 tấn

TỔNG LƯỢNG DẦU DO

102,48 tấn

Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải

- Năm 2021 không để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.
- Tình hình thực hiện khắc phục kiến nghị của các Đoàn thanh kiểm tra môi trường: Năm 2021 chỉ có 1 đợt kiểm tra của Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại Xưởng pha trộn Hóa chất (9/3/2021). Các kiến nghị đã được giải trình và khắc phục.
- Các Đơn vị đã thực hiện thông báo kế hoạch quan trắc môi trường định kỳ năm 2021 và gửi cho các Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương và thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo đúng yêu cầu của báo cáo ĐTM.
- Công tác quản lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, chất thải nguy hại (CTNH) và nước thải đều được đảm bảo tuân thủ yêu cầu pháp luật (ký hợp đồng chuyển giao xử lý rác thải sinh hoạt, CTNH với đơn vị có chức năng xử lý).
- Rà soát và báo cáo danh sách tài khoản của PVFCCo thuộc đối tượng phải khai báo định kỳ trên Cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương theo quy định tại TT 42/2020/TT-BCT.
- Thực hiện kiểm tra công tác quản lý môi trường tại các Đơn vị theo hình thức online.
- Thực hiện đánh giá ảnh hưởng và phổ biến các văn bản pháp luật mới về môi trường như: Luật BVMT 2020, TT 42/2020/TT-BCT và Nghị định 155/2021/NĐ-CP.
- Hưởng ứng Ngày đất ngập nước thế giới, Chiến dịch Giờ Trái đất, Tháng hành động về môi trường nhằm hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới và Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm 2021: Tổ chức các hoạt động, tổng hợp và báo cáo về kết quả thực hiện.
- Triển khai thực hiện Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng CP ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác lắp đặt thiết bị quan trắc online tại Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- Một số kết quả hoạt động môi trường năm 2021 cho hoạt động sản xuất và kinh doanh tại PVFCCo được ghi nhận như sau:

Quản lý nguồn nguyên liệu năm 2021:

- Tổng lượng khí thiên nhiên sử dụng để sản xuất: 541,63 triệu Nm³.

Tiêu thụ năng lượng năm 2021:

- Năng lượng điện tiêu thụ: 157.261.183 KWH
- Tổng lượng dầu FO : 2,71 tấn
- Tổng lượng dầu DO : 102,48 tấn
- Tiêu thụ nước năm 2021 (bao gồm: nước thủy cục và nước ngầm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nước sông để làm mát máy móc, thiết bị): 29.164.994 m³

Thống kê đánh giá, tình hình quản lý chất thải:

STT	Loại chất thải	ĐVT	Lượng phát thải	Lượng xử lý	Mức độ xử lý
1	Nước thải sản xuất	m ³ /năm	121.927	121.927	Tốt
2	Nước thải sinh hoạt	m ³ /năm	10.216	10.216	Tốt
3	Nước làm mát	m ³ /năm	26.222.627	26.222.627	Tốt
4	Khí thải	m ³ /quý	5.960.297.320	5.960.297.320	Tốt
5	Chất thải rắn sinh hoạt	Kg/năm	141.120	141.120	Tốt
6	Chất thải rắn công nghiệp	Kg/năm	777.404	777.404	Tốt
7	Chất thải nguy hại	Kg/năm	212.138	212.135	Tốt

BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(tiếp theo)

Thực hiện các Dự án tiết kiệm năng lượng, chống Biến đổi khí hậu

- Triển khai thực hiện các dự án/chương trình hành động giảm phát thải khí nhà kính thuộc danh mục phụ lục I Kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2018-2030.
- Năm 2021, Tổng công ty cũng như các Đơn vị thành viên đều thiết lập mục tiêu tiết kiệm chi phí. Kết quả thực hiện đều được theo dõi, xem xét và đánh giá mức độ hoàn thành KPI.
- Tại Nhà máy đạm Phú Mỹ các Mục tiêu tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả được thiết lập. Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả năm 2021 và xây dựng kế hoạch cho năm 2022 gửi về Sở Công thương Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Xây dựng văn hóa an toàn, sức khỏe, môi trường

- Công tác xây dựng văn hóa an toàn, sức khỏe, môi trường năm 2021 bị hạn chế do những khó khăn của dịch bệnh Covid-19. Các hoạt động tuyên truyền trong tuần lễ an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy, v.v chỉ thực hiện trên các bản tin online.
- Tuy nhiên các hoạt động đánh giá, khen thưởng theo Quy chế khen thưởng An toàn - Môi trường hàng quý vẫn được thực hiện nhằm khích lệ CBCNV tham gia tích cực vào công tác an toàn và bảo vệ môi trường.
- Các Chương trình STOP và 5S vẫn được áp dụng và đánh giá định kỳ tại Nhà máy đạm Phú Mỹ. Năm 2021 Tổng công ty xây dựng kế hoạch thực hiện 5S cho khối Văn phòng Tổng công ty nhằm nâng cao ý thức của CBCNV trong việc giữ gìn nơi làm việc sạch đẹp, gọn gàng, nâng cao hình ảnh của văn hóa PVFCCo.



Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT năm 2022

Công tác An toàn - PCCC

- Đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy đạm Phú Mỹ để hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty.
- Đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại tất cả các công trình của Tổng công ty. Không để xảy ra sự cố cháy nổ gây thiệt hại về người và tài sản của Tổng công ty. Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại tất cả các công trình của Tổng công ty.
- Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra công tác An toàn - PCCC định kỳ và đột xuất theo đúng yêu cầu của pháp luật và của Tổng công ty.
- Duy trì áp dụng hiệu quả các Chương trình kiểm tra bảo dưỡng thiết bị hiện có tại Nhà máy đạm Phú Mỹ. Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý An toàn Công nghệ PSM.
- Lập kế hoạch và thực hiện đào tạo về an toàn - PCCC để đảm bảo nhận thức đầy đủ khi thực hiện công việc.
- Củng cố lực lượng Ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.
- Triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người lao động trong công tác an toàn, phòng chống cháy nổ trong tuần lễ An toàn-VSLĐ, PCCC, v.v.

Công tác Môi trường

- Không để xảy ra sự cố môi trường và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Hoàn thành lắp đặt các hệ thống quan trắc online tại Nhà máy đạm Phú Mỹ và theo dõi hướng dẫn của Cơ quan nhà nước về lắp đặt Hệ thống quan trắc online khí thải tại tháp tạo hạt.
- Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra công tác quản lý môi trường định kỳ và đột xuất theo đúng yêu cầu của pháp luật và của Tổng công ty.
- Đưa hạng mục xây dựng khu vực lưu trữ CTCN mới vào Kế hoạch 2022 của Nhà máy.
- Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động và Phòng chống dịch Covid-19
- Duy trì điều kiện Vệ sinh lao động, khám chữa bệnh định kỳ và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh phát huy tác dụng thời gian qua, chuẩn bị các phương án phòng chống dịch đảm bảo ứng phó kịp thời trong các tình huống có thể xảy ra.
- Cập nhật kịp thời các quy định về phòng chống dịch của cơ quan có thẩm quyền/chính quyền địa phương để yêu cầu và thực hiện phương án phòng chống dịch của Tổng công ty phù hợp với từng giai đoạn, thời kỳ mới.

“

Trong bối cảnh chung của đất nước, đặc biệt ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, thách thức vì đại dịch Covid-19 bùng phát nghiêm trọng và sự biến động lớn của thị trường, Tổng công ty đã đẩy mạnh công tác an sinh xã hội, phát huy tinh thần trách nhiệm văn hóa sẻ chia đối với cộng đồng và bà con nông dân thông qua các chương trình an sinh xã hội nhiều ý nghĩa với tổng giá trị khoảng 100 tỷ đồng.



HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 VÀ Y TẾ

56 tỷ đồng

Nhóm chương trình lớn, nổi bật nhất là các hoạt động hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19 và y tế được PVFCCo triển khai hết sức kịp thời và thiết thực với giá trị tài trợ gần 56 tỷ đồng. Tiêu biểu là đóng góp 5 tỷ đồng vào Quỹ vaccine, 20 xe cứu thương cho các tỉnh thành, ủng hộ chương trình “Sống và máy tính cho em”, ủng hộ các trang thiết bị y tế, khẩu trang, trang phục bảo hộ cho các cơ sở y tế và các lực lượng tuyến đầu chống dịch, hoàn thành tài trợ, bàn giao 02 trạm y tế...



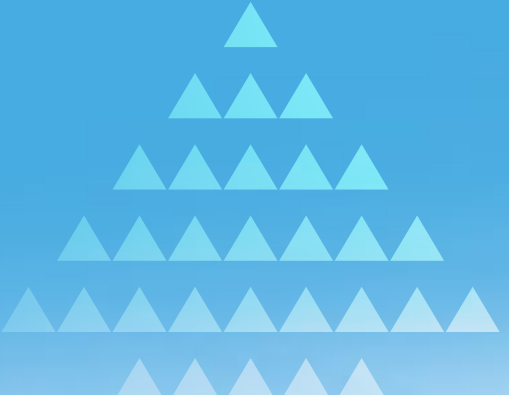
CHƯƠNG TRÌNH “XUÂN YÊU THƯƠNG, TẾT SẼ CHIA”
DIỄN RA TẠI HƠN

100 điểm tại gần
50 tỉnh thành trên khắp cả nước

20.000
phần quà, trị giá hơn 10 tỷ đồng

Chương trình tiêu biểu dịp cuối năm là “Xuân yêu thương, Tết sẻ chia”, diễn ra tại hơn 100 điểm tại gần 50 tỉnh thành trên khắp cả nước với khoảng 20.000 phần quà, trị giá hơn 10 tỷ đồng. Đối tượng được nhận quà là các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách, hộ có hoàn cảnh đặc biệt, hộ khó khăn, hộ chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19, các trẻ em mồ côi do cha mẹ không may mất vì Covid-19...). Trao quà Tết là sự chia sẻ thiết thực của PVFCCo với những gia đình còn nhiều khó khăn trên cả nước, đặc biệt là tại các vùng sâu, vùng xa, khu vực nông thôn và khu vực bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19. Đây cũng là 1 trong những chương trình an sinh xã hội mà PVFCCo tăng cường thực hiện trong năm 2021 để góp phần hỗ trợ các đối tượng ít may mắn có điều kiện đón Tết đầy đủ, đầm ấm hơn.





ĐỘT PHÁ để vươn xa

Những bước tiến ngoạn mục mang tính đột phá, trong kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 là bộ phận vững chắc cho PVFCCo ngày càng phát triển vững mạnh và vươn xa.



Chương 6.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC	
NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	109 - 110
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	111
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	112 - 113
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	114
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	115
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	116 - 150

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch (miễn nhiệm 28 tháng 4 năm 2021)
Ông Lê Cự Tân	Thành viên
Ông Louis T.Nguyen	Thành viên
Ông Dương Trí Hội	Thành viên
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên
Ông Tạ Quang Huy	Thành viên (miễn nhiệm 27 tháng 4 năm 2021)
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Lê Cự Tân	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và thông qua ngày 17 tháng 3 năm 2022.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày 17 tháng 3 năm 2022
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2022, từ trang 112 đến trang 150, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2022
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Lương Tuấn Đạt
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.519.579.701.251	6.314.163.032.937
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.524.115.312.966	2.029.198.585.342
1. Tiền	111		567.149.383.517	265.139.502.295
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.956.965.929.449	1.764.059.083.047
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.455.000.000.000	2.185.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	3.455.000.000.000	2.185.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		488.926.629.172	340.731.443.856
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	262.942.321.240	223.032.121.230
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	137.517.046.753	58.161.771.022
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	321.676.658.968	292.846.621.763
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.476.873.759)	(233.576.422.659)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		267.475.970	267.352.500
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.775.533.988.246	1.468.360.373.620
1. Hàng tồn kho	141		2.778.813.854.584	1.494.665.449.780
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.279.866.338)	(26.305.076.160)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		276.003.770.867	290.872.630.119
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	15.329.149.739	27.025.250.532
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		257.422.886.104	256.938.273.841
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	3.251.735.024	6.909.105.746
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.398.350.543.150	4.985.778.272.458
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		849.874.000	698.374.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	849.874.000	698.374.000
II. Tài sản cố định	220		3.716.965.004.749	4.282.892.453.351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.883.489.798.863	3.438.870.887.385
- Nguyên giá	222		11.546.905.383.342	11.646.460.047.004
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.663.415.584.479)	(8.207.589.159.619)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	833.475.205.886	844.021.565.966
- Nguyên giá	228		1.155.791.328.193	1.153.056.314.593
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(322.316.122.307)	(309.034.748.627)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	209.845.313.863	219.743.745.413
- Nguyên giá	231		317.953.542.202	317.953.542.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(108.108.228.339)	(98.209.796.789)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		174.082.187.941	153.441.224.477
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	174.082.187.941	153.441.224.477
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		44.656.956.639	44.245.603.945
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	28.619.663.470	27.991.375.327
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	20.502.000.000	20.502.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(4.464.706.831)	(4.247.771.382)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		251.951.205.958	284.756.871.272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	25.697.331.132	30.448.054.378
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	79.187.651.840	101.730.355.972
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	124.128.741.854	139.786.369.885
4. Tài sản dài hạn khác	268		22.937.481.132	12.792.091.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		13.917.930.244.401	11.299.941.305.395

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.204.770.523.758	3.052.441.964.507
I. Nợ ngắn hạn	310		2.151.651.816.461	2.026.034.102.655
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	771.382.083.149	452.877.108.896
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	124.292.938.370	122.950.516.714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	389.655.826.646	58.813.917.687
4. Phải trả người lao động	314		173.860.882.277	133.671.272.818
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	337.883.833.828	456.822.960.695
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.181.819	16.363.638
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	74.252.202.749	64.799.698.649
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	200.133.810.219	190.871.758.751
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	20.327.222.568	467.511.021.812
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		59.844.834.836	77.699.482.995
II. Nợ dài hạn	330		1.053.118.707.297	1.026.407.861.852
1. Phải trả dài hạn khác	337	22	8.526.946.700	1.866.870.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	700.468.329.150	858.922.907.882
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		132.540.000.000	132.540.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	165.486.270.110	-
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		46.097.161.337	33.078.083.970
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.713.159.720.643	8.247.499.340.888
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	10.713.159.720.643	8.247.499.340.888
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.497.039.984.859	3.497.039.984.859
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.085.566.955.137	654.776.859.274
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.257.339.727	54.215.294.040
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.032.309.615.410	600.561.565.234
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		197.669.690.909	162.799.407.017
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		13.917.930.244.401	11.299.941.305.395


Trần Xuân Thảo
Người lập biểu


Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng


Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.881.680.840.632	7.867.574.305.211
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		95.539.647.280	105.755.700.648
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	12.786.141.193.352	7.761.818.604.563
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	8.000.602.438.317	6.032.014.990.990
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	29	4.785.538.755.035	1.729.803.613.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	175.513.945.627	179.636.016.847
7. Chi phí tài chính	22	32	74.648.067.031	94.847.103.094
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		69.266.472.919	88.463.426.175
8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24		2.503.197.142	2.437.351.362
9. Chi phí bán hàng	25	33	817.762.955.253	654.617.057.501
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	424.973.596.372	409.071.818.150
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		3.646.171.279.148	753.341.003.037
12. Thu nhập khác	31	34	155.255.174.993	96.475.936.092
13. Chi phí khác	32	35	1.955.231.521	1.926.168.341
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		153.299.943.472	94.549.767.751
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.799.471.222.620	847.890.770.788
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	605.412.217.929	166.619.580.888
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	22.542.704.132	(20.348.488.902)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.171.516.300.559	701.619.678.802
18.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3.117.133.794.101	691.307.691.848
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		54.382.506.458	10.311.986.954
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	7.749	1.413

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.799.471.222.620	847.890.770.788
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	536.986.110.692	549.648.417.025
Các khoản dự phòng	03	36.040.728.360	194.437.765.308
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.822.786.402)	(1.687.283.663)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(168.460.157.280)	(177.401.927.532)
Chi phí lãi vay	06	69.266.472.919	88.463.426.175
Các khoản điều chỉnh khác	07	20.000.000.000	20.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.288.481.590.909	1.521.351.168.101
Thay đổi các khoản phải thu	09	(149.969.462.576)	(12.019.853.115)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.278.636.166.868)	(114.561.989.431)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	189.583.186.815	(215.723.205.282)
Thay đổi chi phí trả trước	12	16.446.824.039	3.189.814.566
Tiền lãi vay đã trả	14	(73.836.553.165)	(101.010.428.297)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(302.161.819.901)	(178.220.066.598)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(173.836.027.596)	(115.732.025.947)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.516.071.571.657	787.273.413.997
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(221.937.019.045)	(81.740.330.467)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	298.617.437	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.640.000.000.000)	(2.940.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.370.000.000.000	1.790.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	172.717.516.126	165.742.209.214
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.318.920.885.482)	(1.065.998.121.253)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	724.557.695.286	381.719.552.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(869.427.255.390)	(571.448.728.652)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(557.564.743.740)	(479.315.340.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(702.434.303.844)	(669.044.517.192)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	494.716.382.331	(947.769.224.448)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.029.198.585.342	2.976.952.450.033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	200.345.293	15.359.757
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.524.115.312.966	2.029.198.585.342

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 VND, được chia thành 391.400.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn” hoặc “PVN”) nắm giữ 59,58% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- » Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác;
- » Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- » Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- » Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- » Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- » Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản;
- » Đào tạo nghề;
- » Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông;
- » Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Do ảnh hưởng trên diện rộng của những diễn biến dịch bệnh COVID-19, nhiều thách thức đã phát sinh cho tất cả các ngành kinh tế. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động, những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Hiện tại, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng theo dõi và đánh giá ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với hoạt động của Tổng Công ty. Do đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng COVID-19 không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong 12 tháng tới.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
2	Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3	Chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia (i)	Thủ đô Phnom Penh, Campuchia
4	Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

- (i) Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 313/QĐ-PBHC ngày 26 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã quyết định phê duyệt kế hoạch giải thể chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia. Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để giải thể chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
2. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
3. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
4. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Hà Nội	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	43,34	43,34	Sản xuất bao bì
2. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	TP. Cần Thơ	35,63	35,63	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ
3. Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	TP. Hải Phòng	25,99	25,99	Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi các số dư còn lại của Chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sang Đồng Việt Nam (VND) theo các nguyên tắc phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Tổng Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 9
Khác	3 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Đối với các quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng là vô thời hạn, Tổng Công ty không trích hao mòn.

	Số năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích hao mòn
Quyền sử dụng đất có thời hạn	32 - 50

Bản quyền

Bản quyền được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 năm đến 6 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Quyền sử dụng đất

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất.

Nhà cửa, vật kiến trúc

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 25

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí lãi vay, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ, chi phí xúc tác chuyển hóa CO, chi phí xúc tác hấp thụ H₂S và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí xúc tác CO và H₂S được ghi nhận dựa trên giá mua theo hợp đồng và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn được quy định trong các hợp đồng bảo hiểm và mua các chất xúc tác tương ứng.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đất, thuê văn phòng đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí dịch vụ hỗ trợ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này.

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa lớn theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi cho việc sửa chữa lớn tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Theo đó, Tổng Công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm để hình thành quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), tuy nhiên sự khác biệt này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.852.493.739	2.115.941.846
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	564.296.889.778	258.862.950.449
Tiền đang chuyển	-	4.160.610.000
Các khoản tương đương tiền (i)	1.956.965.929.449	1.764.059.083.047
	2.524.115.312.966	2.029.198.585.342

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: lãi suất từ 0,1%/năm đến 4,0%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng của Tổng Công ty tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương) có số dư là 284.000.000.000 VND đang bị hạn chế sử dụng. Theo Công văn số 5351/2016/CV-OCEANBANK ngày 04 tháng 10 năm 2016, Công văn số 60/2018/CV-OCEANBANK ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Công văn số 76/2020/CV-OJB-CNHCM ngày 12 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương cam kết sẽ thực hiện việc chi trả tiền gửi của khách hàng theo lộ trình chi trả trong để án tái cơ cấu ngân hàng đang trình Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt. Lãi tiền gửi đã được Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương chi trả từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến nay. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai theo cam kết nêu trên của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.455.000.000.000	3.455.000.000.000	2.185.000.000.000	2.185.000.000.000
	3.455.000.000.000	3.455.000.000.000	2.185.000.000.000	2.185.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính với lãi suất từ 3,5%/năm đến 5,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: lãi suất từ 3,6%/năm đến 5,8%/năm).

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	Dự phòng	VND Giá trị hợp lý
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000	(ii)	-	(ii)
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	16.902.000.000	(ii)	(4.464.706.831)	(ii)
	20.502.000.000	(ii)	(4.464.706.831)	(ii)

(ii) Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vào các công ty này đang được ước tính theo Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các công ty này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	52.698.813.348	3.075.024.000
Liven Agrichem Pte. Ltd.	36.377.540.000	-
Công ty Cổ phần F.A	34.003.455.213	1.532.390.309
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	767.212.532	9.516.571.121
Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	-	22.273.315.663
Các khách hàng khác	119.150.479.839	159.489.940.272
	242.997.500.932	195.887.241.365
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	19.944.820.308	27.144.879.865
	19.944.820.308	27.144.879.865
Tổng cộng	262.942.321.240	223.032.121.230

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	44.000.000.000	-
CÔNG TY TNHH VTNN Hưng Thạnh	27.216.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ngọc Lan	9.153.800.000	9.153.800.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	20.396.510.752	21.000.129.605
	100.766.310.752	30.153.929.605
b. Trả trước cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	36.750.736.001	28.007.841.417
	36.750.736.001	28.007.841.417
Tổng cộng	137.517.046.753	58.161.771.022

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (i)	115.630.049.443	114.509.081.543
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) (ii)	110.143.267.289	110.143.267.289
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	30.191.259.625	-
Trích lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	23.928.462.200	28.150.317.836
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	15.000.000	85.134.000
Phải thu ngắn hạn khác	41.768.620.411	39.958.821.095
	321.676.658.968	292.846.621.763
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	849.874.000	698.374.000
	849.874.000	698.374.000
Trong đó:		
Phải thu khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	225.802.905.773	229.113.222.693

(i) Số dư khoản phải thu ngắn hạn khác đối với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (“VNPOLY”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện khoản thanh toán theo cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn trung và dài hạn của VNPOLY và các khoản kinh phí hỗ trợ khác. Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 02 cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”) liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của PVN cho các khoản vay vốn trung và dài hạn của VNPOLY.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, VNPOLY và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay VNPOLY. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ VNPOLY (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại VNPOLY. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do lỗi lũy kế của VNPOLY đã vượt quá vốn chủ sở hữu, và VNPOLY không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

(ii) Số dư khoản phải thu ngắn hạn khác đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVFI”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện khoản ủy thác vốn đầu tư với số tiền 101.597.868.000 VND và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 VND.

9. NỢ XUẤT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	-	110.143.267.289	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ngọc Lan	9.153.800.000	-	9.153.800.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	115.725.753.648	1.545.947.178	114.704.334.648	424.979.278
- Phải thu liên quan đến bảo lãnh đối ứng	107.786.937.303	-	107.786.937.303	-
- Phải thu khác	7.938.816.345	1.545.947.178	6.917.397.345	424.979.278
	235.022.820.937	1.545.947.178	234.001.401.937	424.979.278

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	VND Giá gốc	Dự phòng
a. Hàng tồn kho				
Hàng mua đang đi đường	137.303.973.626	-	216.065.135.493	-
Nguyên liệu, vật liệu	557.871.471.999	(480.008.618)	493.736.178.079	(10.062.946.217)
Công cụ, dụng cụ	8.671.907.245	-	6.405.456.011	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	215.990.588.117	-	48.035.018.676	(4.918.599.333)
Thành phẩm	821.955.029.260	(2.799.857.720)	637.316.947.620	(10.024.654.470)
Hàng hoá	1.037.020.884.337	-	93.106.713.901	(1.298.876.140)
	2.778.813.854.584	(3.279.866.338)	1.494.665.449.780	(26.305.076.160)
b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	124.128.741.854	-	139.786.369.885	-

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích các năm trước của các hàng tồn kho đã bán trong năm với số tiền là 23.025.209.822 VND (năm 2020: trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 6.648.141.430 VND).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí dịch vụ hỗ trợ phần cứng, phần mềm	8.764.839.132	10.211.830.362
Công cụ, dụng cụ phân bổ	1.774.165.242	916.491.306
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	13.953.824.829
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.790.145.365	1.943.104.035
	15.329.149.739	27.025.250.532
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ phân bổ	12.053.362.959	7.267.251.723
Trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng	3.547.395.469	11.199.860.794
Chi phí xúc tác CO và H2S	963.815.857	8.061.248.728
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.132.756.847	3.919.693.133
	25.697.331.132	30.448.054.378



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	2.364.872.583.781	8.243.076.932.348	90.135.588.984	310.390.452.387	637.984.489.504	11.646.460.047.004
Tăng trong năm	48.913.000	5.814.321.427	2.930.081.744	12.105.982.330	-	20.899.298.501
Điều chỉnh quyết toán	(28.157.966.588)	(72.551.395.723)	-	-	(15.966.987.306)	(116.676.349.617)
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.069.000.000)	(331.712.728)	(376.899.818)	-	(3.777.612.546)
Số dư cuối năm	2.336.763.530.193	8.173.270.858.052	92.733.958.000	322.119.534.899	622.017.502.198	11.546.905.383.342
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	1.410.097.203.690	6.174.931.758.577	76.470.495.016	254.812.298.038	291.277.404.298	8.207.589.159.619
Khấu hao trong năm	128.507.595.855	260.232.108.957	3.753.022.399	27.149.419.941	94.095.878.310	513.738.025.462
Điều chỉnh quyết toán	(11.510.147.371)	(27.714.762.840)	-	(2.040.105)	(15.196.217.547)	(54.423.167.863)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.790.609.836)	(320.923.085)	(376.899.818)	-	(3.488.432.739)
Số dư cuối năm	1.527.094.652.174	6.404.658.494.858	79.902.594.330	281.582.778.056	370.177.065.061	8.663.415.584.479
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	954.775.380.091	2.068.145.173.771	13.665.093.968	55.578.154.349	346.707.085.206	3.438.870.887.385
Tại ngày cuối năm	809.668.878.019	1.768.612.363.194	12.831.363.670	40.536.756.843	251.840.437.137	2.883.489.798.863

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà xưởng và máy móc thiết bị thuộc Dự án Nâng công suất phân xưởng NH3 của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.079.267.047.450 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.397.837.594.191 VND) để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.377.667.352.749 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6.217.712.574.240 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	863.853.207.162	159.315.893.074	114.067.581.203	15.819.633.154	1.153.056.314.593
Tăng trong năm	-	-	2.803.293.600	-	2.803.293.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(68.280.000)	(68.280.000)
Số dư cuối năm	863.853.207.162	159.315.893.074	116.870.874.803	15.751.353.154	1.155.791.328.193
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	46.412.979.919	159.315.893.074	91.839.785.818	11.466.089.816	309.034.748.627
Khấu hao trong năm	3.316.305.309	-	9.552.984.611	480.363.760	13.349.653.680
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(68.280.000)	(68.280.000)
Số dư cuối năm	49.729.285.228	159.315.893.074	101.392.770.429	11.878.173.576	322.316.122.307
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	817.440.227.243	-	22.227.795.385	4.353.543.338	844.021.565.966
Tại ngày cuối năm	814.123.921.934	-	15.478.104.374	3.873.179.578	833.475.205.886

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 238.161.541.728 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 235.520.885.339 VND).

NGUYÊN GIÁ		Quyền sử dụng đất và vật kiến trúc VND	Nhà của VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	99.499.152.000	218.454.390.202	317.953.542.202	
Số dư cuối năm	99.499.152.000	218.454.390.202	317.953.542.202	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	10.664.026.413	87.545.770.376	98.209.796.789	
Khấu hao trong năm	1.005.683.040	8.892.748.510	9.898.431.550	
Số dư cuối năm	11.669.709.453	96.438.518.886	108.108.228.339	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	88.835.125.587	130.908.619.826	219.743.745.413	
Tại ngày cuối năm	87.829.442.547	122.015.871.316	209.845.313.863	

Danh mục bất động sản đầu tư

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND
Tòa nhà Đồng Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh	90.358.442.144	20.905.536.273	69.452.905.871	71.253.216.464
Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau	157.460.134.120	61.716.488.602	95.743.645.518	101.036.367.838
Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh	70.134.965.938	25.486.203.464	44.648.762.474	47.454.161.111
	317.953.542.202	108.108.228.339	209.845.313.863	219.743.745.413

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu /nộp trong năm VND	Số đã thực thu /nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.152.818.774	-	-	3.152.818.774
Thuế thu nhập cá nhân	3.756.286.972	3.756.286.972	-	-
Các loại thuế khác	-	-	98.916.250	98.916.250
	6.909.105.746	3.756.286.972	98.916.250	3.251.735.024
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	4.675.902.225	64.980.965.807	60.205.079.041	9.451.788.991
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.675.902.225	61.104.497.861	56.328.611.095	9.451.788.991
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.876.467.946	3.876.467.946	-
Thuế xuất, nhập khẩu	361.848.690	69.317.882.613	52.039.159.103	17.640.572.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.041.452.607	605.412.217.929	302.161.819.901	352.291.850.635
Thuế thu nhập cá nhân	4.159.502.675	49.135.293.407	43.540.778.356	9.754.017.726
Thuế tài nguyên	325.833.240	3.479.668.012	3.468.486.058	337.015.194
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	249.378.250	4.774.037.611	4.842.833.961	180.581.900
- Thuế bảo vệ môi trường	249.378.250	556.102.900	624.899.250	180.581.900
- Thuế môn bài	-	18.000.000	18.000.000	-
- Thuế nhà thầu nước ngoài	-	2.399.999.230	2.399.999.230	-
- Các loại thuế khác	-	1.799.935.481	1.799.935.481	-
	58.813.917.687	797.100.065.379	466.258.156.420	389.655.826.646

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK (i)	83.279.615.900	62.778.770.433
Dự án nhà cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.342.070.618
Kho Tây Ninh	29.120.068.273	29.120.068.273
Các dự án khác	25.340.433.150	25.200.315.153
	174.082.187.941	153.441.224.477

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 25, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị của Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học với số tiền là 83.279.615.900 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 62.778.770.433 VND) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (bên liên quan của Tổng Công ty).

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	680.903.000.000	680.903.000.000
Phần lỗ phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(652.283.336.530)	(652.911.624.673)
	28.619.663.470	27.991.375.327

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	56.852.312.353	89.724.283.272
Lợi nhuận chưa thực hiện	13.139.221.914	3.346.748.789
Khác	9.196.117.573	8.659.323.911
	79.187.651.840	101.730.355.972

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Baconco	75.059.625.444	75.059.625.444	-	-
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	71.326.012.800	71.326.012.800	-	-
Uralkali Trading SIA	-	-	48.839.480.801	48.839.480.801
Các nhà cung cấp khác	258.795.349.852	258.795.349.852	120.485.475.809	120.485.475.809
	405.180.988.096	405.180.988.096	169.324.956.610	169.324.956.610
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	366.201.095.053	366.201.095.053	283.552.152.286	283.552.152.286
	366.201.095.053	366.201.095.053	283.552.152.286	283.552.152.286
Tổng cộng	771.382.083.149	771.382.083.149	452.877.108.896	452.877.108.896

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty TNHH Việt Mỹ	21.187.500.000	4.400.621.750
Công ty TNHH một thành viên TM&DV Minh Dũng	18.124.074.799	-
Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	-	40.040.650.500
Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	6.415.272.954	27.415.175.000
Các khách hàng khác	77.878.822.233	51.094.069.464
	123.605.669.986	122.950.516.714
b. Trả trước từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	687.268.384	-
	687.268.384	-
Tổng cộng	124.292.938.370	122.950.516.714

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về xây dựng cơ bản (i)	157.710.578.386	332.737.066.914
Chi phí lãi vay	25.870.992.080	30.441.072.326
Chi phí vận chuyển, bốc xếp ure	24.214.172.784	24.402.535.602
Chi phí vận chuyển khí	1.516.548.821	-
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ	105.037.530	5.299.433.146
Các khoản trích trước khác	128.466.504.227	63.942.852.707
	337.883.833.828	456.822.960.695
Trong đó:		
Chi phí phải trả ngắn hạn với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	138.139.721.334	191.064.067.514

(i) Phải trả về xây dựng cơ bản thể hiện các chi phí liên quan đến Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học chưa được quyết toán toàn bộ.

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	26.650.909.709	27.360.189.449
Nhận kỳ quỹ, ký cược ngắn hạn	7.366.977.144	7.042.996.101
Chiếu khấu thương mại phải trả	-	7.106.672.714
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.234.315.896	23.289.840.385
	74.252.202.749	64.799.698.649
b. Dài hạn		
Nhận kỳ quỹ, ký cược dài hạn	8.526.946.700	1.866.870.000
	8.526.946.700	1.866.870.000

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
	-	-	674.769.950.000	674.769.950.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	-	287.419.950.000	287.419.950.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	-	58.000.000.000	58.000.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Bình Định	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Quy Nhơn	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Anh	-	-	44.850.000.000	44.850.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh	-	-	68.000.000.000	68.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ba Đình	-	-	196.500.000.000	196.500.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)						
	190.871.758.751	190.871.758.751	203.919.356.859	194.657.305.391	200.133.810.219	200.133.810.219
	190.871.758.751	190.871.758.751	878.689.306.859	869.427.255.391	200.133.810.219	200.133.810.219

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tổng thể VND
Số dư đầu năm	467.511.021.812
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	58.948.551.633
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(340.646.080.767)
Số dư cuối năm	185.813.492.678
Trong đó:	

MẪU SỐ B 09-DN/HN

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
Trong đó:						
Phải trả với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)						
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	1.049.794.666.633	1.049.794.666.633	194.657.305.390	(4.322.967.160)	900.602.139.369	900.602.139.369
	1.049.794.666.633	1.049.794.666.633	194.657.305.390	(4.322.967.160)	900.602.139.369	900.602.139.369
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	190.871.758.751	190.871.758.751			200.133.810.219	200.133.810.219
- Số phải trả sau 12 tháng	858.922.907.882	858.922.907.882			700.468.329.150	700.468.329.150

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vay và nợ thuế tài chính dài hạn thể hiện khoản vay theo Hợp đồng cho vay dự án số 639/2016/PVFC Co.-PVB/HĐTD ngày 25 tháng 10 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (bên liên quan của Tổng Công ty) và Tổng Công ty với hạn mức vay là 1.752.000.000.000 VND hoặc USD quy đổi tương đương theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm cho vay. Khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư vào Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Thời hạn giải ngân là đến hết tháng 6 năm 2020. Thời hạn vay tối đa là 108 tháng, thời gian ân hạn tối đa là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 09 tháng 02 năm 2017) hoặc một thời hạn sớm hơn do bên cho vay xác định khi dự án hoàn thành và bắt đầu có nguồn thu. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu công lãi suất biên (2,5%/năm). Lãi vay được trả 6 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số tiền vay đã được giải ngân là 925.471.418.166 VND và 15.532.217 USD. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học như trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh 16.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	200.133.810.219	190.871.758.751
Trong năm thứ hai	200.133.810.219	190.871.758.751
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	500.334.518.931	572.615.276.252
Sau năm năm	-	95.435.872.879
	900.602.139.369	1.049.794.666.633
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	200.133.810.219	190.871.758.751
Số phải trả sau 12 tháng	700.468.329.150	858.922.907.882



26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	566.144.654.027	7.996.067.728.624	165.367.715.959	8.161.435.444.583
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	691.307.691.848	691.307.691.848	10.311.986.954	701.619.678.802
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(133.677.476.418)	(133.677.476.418)	(2.255.295.896)	(135.932.772.314)
Trả cổ tức bằng tiền mặt					(469.601.112.000)	(469.601.112.000)	(10.625.000.000)	(480.226.112.000)
Tăng khác	-	-	-	-	603.101.817	603.101.817	-	603.101.817
Số dư cuối năm trước	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	654.776.859.274	8.084.699.933.871	162.799.407.017	8.247.499.340.888
Số dư đầu năm nay	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	654.776.859.274	8.084.699.933.871	162.799.407.017	8.247.499.340.888
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.117.133.794.101	3.117.133.794.101	54.382.506.458	3.171.516.300.559
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(138.475.734.238)	(138.475.734.238)	(10.524.722.566)	(149.000.456.804)
Trả cổ tức bằng tiền mặt (ii)	-	-	-	-	(547.867.964.000)	(547.867.964.000)	(8.987.500.000)	(556.855.464.000)
Số dư cuối năm nay	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	3.085.566.955.137	10.515.490.029.734	197.669.690.909	10.713.159.720.643

(i) Theo Nghị quyết số 47/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Công ty đã thực hiện trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của năm 2020 với số tiền là 53.651.555.547 VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng tạm trích từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2021 với số tiền là 84.824.167.691 VND theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của Nghị quyết trên.

(ii) Theo Nghị quyết số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty và Nghị quyết số 01/NQ-PBHC ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 273.933.982.000 VND (700 VND/cổ phiếu), ngày chốt quyền nhận cổ tức lần cuối là ngày 26 tháng 01 năm 2021 và thời gian thanh toán cổ tức từ ngày 19 tháng 02 năm 2021.

Theo Nghị quyết số 47/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty, Tổng Công ty đã thực hiện trả cổ tức còn lại bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 273.933.982.000 VND (700 VND/cổ phiếu), ngày chốt quyền nhận cổ tức lần cuối là ngày 06 tháng 7 năm 2021 và được chi trả từ ngày 30 tháng 7 năm 2021.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	391.400.000	391.400.000
Cổ phiếu phổ thông	391.400.000	391.400.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	65.740	65.740
Cổ phiếu phổ thông	65.740	65.740
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	391.334.260	391.334.260
Cổ phiếu phổ thông	391.334.260	391.334.260

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần gần nhất ngày 16 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	233.204.253	59,58	233.204.253	59,58
Các cổ đông khác	158.130.007	40,42	158.130.007	40,42
	391.334.260	100,00	391.334.260	100,00
Cổ phiếu quỹ	65.740	0,00	65.740	0,00
	391.400.000	100,00	391.400.000	100,00

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Trong vòng một năm	17.835.785.541	18.936.612.070
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	48.905.330.606	65.519.786.674
Sau năm năm	354.378.668.490	358.362.115.566
	421.119.784.637	442.818.514.310

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty là tiền thuê đất và thuê văn phòng. Ngày 03 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004. Theo Hợp đồng thuê lại đất số 46/HĐ/TLĐ/IZICO-PVFCCo ngày 23 tháng 12 năm 2021, từ năm 2022 trở đi, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất thô và phí sử dụng hạ tầng bằng Đồng Việt Nam vào ngày 15 tháng 02 hàng năm của năm thuê đất đó với số tiền mỗi năm phải trả tương đương với 634.066 USD.

Khoản tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê 568 m2 văn phòng, 55 m2 khu vực WC và 31 m2 khu vực kho tại Tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí với giá thuê lần lượt là 296.235 VND/m2/tháng, 171.235 VND/m2/tháng và 200.000 VND/m2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Ngoại tệ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô La Mỹ (USD)	46.494	1.171.026
Euro (EUR)	32.505	32.516

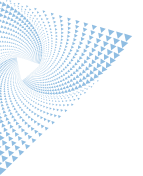
28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 29.

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu với doanh thu khoảng 883 tỷ VND - chiếm tỷ trọng nhỏ hơn 10% trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài lãnh thổ Việt Nam.

29. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
Năm nay			
Doanh thu thuần	10.595.786.311.886	2.190.354.881.466	12.786.141.193.352
Giá vốn hàng bán	(6.102.891.278.027)	(1.897.711.160.290)	(8.000.602.438.317)
Lợi nhuận gộp	4.492.895.033.859	292.643.721.176	4.785.538.755.035
Năm trước			
Doanh thu thuần	6.433.122.269.006	1.328.696.335.557	7.761.818.604.563
Giá vốn hàng bán	(4.766.429.506.840)	(1.265.585.484.150)	(6.032.014.990.990)
Lợi nhuận gộp	1.666.692.762.166	63.110.851.407	1.729.803.613.573



Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu kinh doanh phân bón	9.575.520.809.220	5.970.265.581.515
Doanh thu kinh doanh hóa chất	1.068.134.565.808	536.558.632.218
Doanh thu khác	45.282.776.050	31.677.464.721
	10.688.938.151.078	6.538.501.678.454
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	93.151.839.192	90.090.875.148
Hàng bán bị trả lại	-	15.288.534.300
	93.151.839.192	105.379.409.448
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	156.571.745.401	140.435.740.050
	156.571.745.401	140.435.740.050

Chi tiết giá vốn kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn phân bón sản xuất	5.531.111.056.410	4.344.054.439.131
Giá vốn hóa chất sản xuất	549.154.589.045	400.560.139.795
Giá vốn khác	22.625.632.572	21.814.927.914
	6.102.891.278.027	4.766.429.506.840

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.822.494.783.618	3.440.011.327.380
Chi phí nhân công	620.039.872.457	526.951.502.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	536.986.110.692	549.648.417.025
Chi phí dự phòng	36.040.728.360	192.296.324.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.023.945.659.632	869.303.780.172
Chi phí khác bằng tiền	746.629.271.362	494.411.077.643
	7.786.136.426.121	6.072.622.429.308

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	160.830.978.066	171.655.655.211
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.239.945.682	4.603.051.174
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.415.161.879	3.377.310.462
Doanh thu tài chính khác	1.027.860.000	-
	175.513.945.627	179.636.016.847

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	69.266.472.919	88.463.426.175
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.537.158.664	4.242.236.038
Chiết khấu thanh toán	627.500.000	-
Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	216.935.448	2.141.440.881
	74.648.067.031	94.847.103.094

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí an sinh xã hội, quảng cáo, truyền thông	279.574.552.884	140.039.457.792
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	265.893.628.629	272.411.032.690
Chi phí nhân viên bán hàng	99.456.986.942	86.060.082.281
Các khoản chi phí bán hàng khác	172.837.786.798	156.106.484.738
	817.762.955.253	654.617.057.501
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	165.684.583.410	150.223.169.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.155.587.397	69.849.095.972
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	192.133.425.565	188.999.552.665
	424.973.596.372	409.071.818.150

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bồi thường từ bảo hiểm	144.411.317.112	80.921.415.358
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	307.935.619	-
Các khoản khác	10.535.922.262	15.554.520.734
	155.255.174.993	96.475.936.092

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.789.645	68.389.503
Các khoản khác	1.944.441.876	1.857.778.838
	1.955.231.521	1.926.168.341

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	605.412.217.929	166.619.580.888
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	605.412.217.929	166.619.580.888

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	473.600.394	568.381.361
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	22.069.103.738	(20.916.870.263)
Tổng chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22.542.704.132	(20.348.488.902)

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.117.133.794.101	691.307.691.848
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(84.824.178.691)	(138.261.538.370)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.032.309.615.410	553.046.153.478
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	391.334.260	391.334.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	7.749	1.413

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trong năm trên cơ sở tạm tính, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể thay đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đối với việc phân phối lợi nhuận năm 2021.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết số 47/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty. Theo đó, giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được tính toán và phân bổ lại cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	691.307.691.848	691.307.691.848
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(90.746.126.615)	(138.261.538.370)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	600.561.565.233	553.046.153.478
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	391.334.260	391.334.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.535	1.413

38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tiền sử dụng đất và các chi phí khác của khu đường đi có diện tích 0,6 ha đã được Tổng Công ty đầu tư xây dựng tại tỉnh Cà Mau

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau để xác định các nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất và các chi phí khác có thể phát sinh liên quan đến việc xác định mục đích sử dụng đất của khu đường đi có diện tích 0,6 ha đã được Tổng Công ty đầu tư xây dựng tại tỉnh Cà Mau.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Công ty cùng Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đào tạo kỹ thuật PVD	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Địa lý Giếng khoan Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Chứng Khoán Dầu Khí - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hoá	Công ty cùng Tập đoàn
Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	131.028.122.949	119.699.693.580
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	8.279.396.000	12.991.968.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	7.539.656.448	-
Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro	5.918.518.983	7.496.046.295
Công ty TNHH MTV Địa lý Giếng khoan Dầu khí	1.231.147.143	
Công ty CP Chứng Khoán Dầu Khí - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.128.371.616	-
Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hoá	781.560.450	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	664.971.812	-
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	-	248.032.175
	156.571.745.401	140.435.740.050
Mua hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	3.469.114.467.696	2.653.400.478.506
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	75.915.511.814	9.655.852.554
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	74.780.207.370	185.516.765.500
Công đoàn Dầu khí Việt Nam	17.640.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	17.560.335.352	20.721.303.109
Công ty Cổ phần PVI	13.953.048.824	33.226.091.193
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	12.260.249.561	9.822.456.780
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	8.330.024.691	6.249.317.193
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.309.512.235	9.571.532.300
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	1.462.314.427	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Đào tạo kỹ thuật PVD	602.484.415	260.409.813
Viện Dầu khí Việt Nam	312.980.705	10.450.119.689
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	45.257.000	1.062.510.977
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	4.306.246.344
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	-	185.657.240
	3.696.386.394.090	2.944.428.741.198
Các khoản vay đã trả		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	194.657.305.391	90.386.573.373
Các khoản vay đã nhận		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	49.787.745.286	-
Cố tức đã trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	326.485.954.200	279.845.103.600
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	68.232.608.348	86.967.787.022

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	19.672.314.273	23.999.917.671
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	108.900.000	99.000.000
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	95.704.205	195.253.105
Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro	45.893.100	2.275.223.087
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	19.533.730	-
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	556.886.002
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	-	18.600.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	2.475.000	-
	19.944.820.308	27.144.879.865
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	31.783.021.069	23.147.234.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	4.860.607.417	4.860.607.417
Công ty CP Chứng Khoán Dầu Khí - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	107.107.515	-
	36.750.736.001	28.007.841.417
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	115.630.049.443	114.509.081.543
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	29.589.041	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	-	4.460.873.861
	225.802.905.773	229.113.222.693
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	330.013.157.891	236.962.736.585
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15.728.559.939	23.240.985.361
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	10.407.772.890	15.572.141.400
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	4.853.381.597	3.362.291.993
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.719.205.271	2.719.205.271
Công ty Bảo hiểm PVI TP. Hồ Chí Minh	1.400.992.856	54.090.381
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	727.925.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	304.105.995	1.598.635.420
Viện Dầu khí Việt Nam	34.993.614	42.065.875
Công ty CP Chứng Khoán Dầu Khí - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	11.000.000	-
	366.201.095.053	283.552.152.286

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Bảo hiểm PVI TP. Hồ Chí Minh	448.586.028	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	238.682.356	-
	687.268.384	-
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	66.436.088.191	4.670.756.490
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	45.559.641.063	155.952.238.698
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	25.870.992.080	30.441.072.326
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	273.000.000	-
	138.139.721.334	191.064.067.514
Vay và nợ thuê tài chính		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	900.602.139.369	1.049.794.666.633

Tổng thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	17.379.234.302	12.616.254.269

40. CAM KẾT BẢO LÃNH

Nghĩa vụ cam kết bảo lãnh các khoản vay vốn trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (“VNPOLY”)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có nghĩa vụ cam kết bảo lãnh các khoản vay vốn trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (“VNPOLY”) - Công ty liên kết của Tổng Công ty mà Tổng Công ty đã ký với Tập đoàn.

41. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 25.870.992.080 VND (năm 2020: 30.441.072.326 VND), là số tiền lãi của khoản vay dài hạn phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Thay đổi các khoản phải trả.

Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 26.650.909.709 VND (năm 2020: 27.360.189.449 VND), là số cổ tức phải trả cho cổ đông chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 29.350.148.949 VND (năm 2020: 29.476.148.949 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Thay đổi các khoản phải trả.

Các khoản tiền và tương đương tiền do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng của Tổng Công ty tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương) có số dư 284.000.000.000 VND đang bị hạn chế sử dụng. Theo Công văn số 5351/2016/CV-OCEANBANK ngày 04 tháng 10 năm 2016, Công văn số 60/2018/CV-OCEANBANK ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Công văn số 76/2020/CV-OJB-CNHCM ngày 12 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương cam kết sẽ thực hiện việc chi trả tiền gửi của khách hàng theo lộ trình chi trả trong đề án tái cơ cấu ngân hàng đang trình Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai theo cam kết nêu trên của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương.

42. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, Tổng Công ty đã công bố chi tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 391.400.000.000 VND (1.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết số 47/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty và Nghị quyết số 25/NQ-PBHC của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thông qua ngày 17 tháng 01 năm 2022, ngày chốt quyền nhận cổ tức lần cuối là ngày 28 tháng 01 năm 2022 và thanh toán từ ngày 16 tháng 02 năm 2022.


Trần Xuân Thảo
Người lập biểu


Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng



Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2022



Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, phiên bản Báo cáo thường niên trực tuyến xin vui lòng xem tại website của Tổng công ty www.dpm.vn



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

📍 Địa chỉ: 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

☎ Tel: (84.028) 3825 6258

📠 Fax: (84.028) 3825 6269

🌐 Website: www.dpm.vn